

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532

TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532

Đà Nẵng, tháng năm 2021

TÀI LIỆU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 GỒM CÓ:

1. Chương trình Đại hội.
2. Quy chế tổ chức Đại hội.
3. Quy chế biểu quyết, bầu cử tại Đại hội.
4. Báo cáo của Ban giám đốc về Kết quả SXKD năm 2020 và Kế hoạch năm 2021.
5. Báo cáo các chỉ tiêu Tài chính năm 2020 (đã được kiểm toán).
6. Báo cáo của Hội đồng quản trị.
7. Báo cáo kết quả giám sát của Ban kiểm soát.
8. Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2020 và dự kiến năm 2021.
9. Tờ trình quyết toán tiền lương, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát, thư ký Công ty năm 2020 và dự kiến năm 2021.
10. Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.
11. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Trường Sơn 532.
12. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Trường Sơn 532.
13. Tờ trình về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Trường Sơn 532.
14. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Trường Sơn 532.
15. Tờ trình miễn nhiệm Thành viên HĐQT và bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023.
16. Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
17. Mẫu phiếu biểu quyết các vấn đề tại Đại hội.

CHƯƠNG TRÌNH
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty cổ phần Trường Sơn 532

Khai mạc : 7h00' ngày 15/5/2021 (sáng Thứ Bảy).

Địa điểm : Hội trường Công ty cổ phần Trường Sơn 532, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Thời gian	Chương trình	Thực hiện
7h00-7h30	Phần đón tiếp và chuẩn bị : - Đón tiếp đại biểu và cổ đông; - Thẩm tra tư cách cổ đông, lập danh sách cổ đông tham dự, phát Thẻ biểu quyết và Tài liệu Đại hội.	Ban tổ chức và Ban thẩm tra tư cách cổ đông
7h30-7h45	Phần nghi thức bắt đầu Đại hội : - Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu tham dự Đại hội; - Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông; - Giới thiệu và biểu quyết thông qua Đoàn Chủ tịch; Ban Thư ký; Ban kiểm Phiếu của Đại hội (<i>Biểu quyết thông qua bằng Thẻ biểu quyết</i>); - Mời Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký làm việc.	Ban tổ chức và Ban thẩm tra tư cách cổ đông
7h45-8h00	- Trình bày và biểu quyết thông qua chương trình Đại hội; - Trình bày và biểu quyết thông qua Quy chế tổ chức và Quy chế biểu quyết - bầu cử tại Đại hội. (<i>Biểu quyết thông qua bằng Thẻ biểu quyết</i>).	Đoàn Chủ tịch
8h00-8h45	Trình bày các Báo cáo: - Báo cáo của Ban giám đốc về kết quả SXKD năm 2020 và KH năm 2021; - Báo cáo các chỉ tiêu tài chính năm 2020 đã được kiểm toán; - Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021; - Báo cáo giám sát của BKS năm 2020.	Đoàn Chủ tịch
8h45-9h30	Trình bày các Tờ trình: - Tờ trình phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2020 và Kế hoạch 2021; - Tờ trình chi trả thù lao HĐQT, BKS, Thư ký Công ty năm 2020 và KH năm 2021; - Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2021; - Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; - Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty; - Tờ trình về việc ban hành Quy chế quản trị nội bộ Công ty; - Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát; - Tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT.	Đoàn Chủ tịch

(Chữ ký)

Thời gian	Chương trình	Thực hiện
9h30-9h45	Đại hội nghỉ giải lao.	Ban tổ chức
9h45-10h00	- Đại diện lãnh đạo Tổng công ty XD Trường Sơn phát biểu; - Chủ tọa Đại hội phát biểu đáp từ.	- Lãnh đạo TCT - Chủ tọa
10h00-10h45	Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua các Tờ trình tại Đại hội: - Thảo luận; - Biểu quyết thông qua các Tờ trình của Đại hội (<i>Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết</i>).	- Chủ tọa - Ban kiểm phiếu
10h45-11h05	Đại hội tiến hành bầu cử bổ sung thành viên HĐQT: (<i>Bầu cử bằng Phiếu bầu cử</i>).	Ban kiểm phiếu
11h05-11h30	Thông qua Nghị quyết, Biên bản và Bế mạc Đại hội: - Trình bày Nghị quyết và Biên bản Đại hội đồng cổ đông; - Đại hội biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội (<i>Biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết</i>); - Tuyên bố bế mạc Đại hội.	- Ban Thư ký - Chủ tọa - Chủ tọa

Ghi chú: Trong khi Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm Phiếu biểu quyết; Phiếu bầu cử thì Chủ tọa đề nghị Đại hội giải lao tại chỗ.

DỰ THẢO

**QUY CHẾ
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Trường Sơn 532;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 03/4/2021,

Đề ĐHCĐ thường niên năm 2021 của Công ty CP Trường Sơn 532 được thành công, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị Công ty kính trình ĐHCĐ thông qua Quy chế tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Trường Sơn 532 với các nội dung sau:

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1: Phạm vi áp dụng

Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Trường Sơn 532.

Điều 2: Đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

2. Cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

**CHƯƠNG II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI**

Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

A. Điều kiện tham dự

Các cổ đông được quyền tham dự Đại hội hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội.

B. Quyền của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội

1. Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo Luật doanh nghiệp.

2. Được ủy quyền bằng văn bản cho người đại diện thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

3. Được Ban tổ chức Đại hội thông báo toàn bộ nội dung chương trình Đại hội. Tất cả cổ đông đủ điều kiện được tham gia ý kiến trực tiếp hoặc thông qua đại diện ủy quyền của mình.

4. Tại Đại hội đồng cổ đông, mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo Giấy mời tham dự Đại hội đồng cổ đông, Giấy ủy quyền (đối với đại diện cổ đông) xuất trình cho Ban thẩm tra tư cách cổ đông và được nhận 01 Thẻ biểu quyết và 01 Phiếu biểu quyết trong đó ghi mã số cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết (sở hữu và được ủy quyền) của mình. Thẻ/Phiếu biểu quyết này cổ đông sử dụng để biểu quyết và tham gia phát biểu ý kiến. Giá trị biểu quyết của phiếu biểu quyết mà cổ đông, đại diện cổ đông đó nắm giữ tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu và (hoặc) đại diện theo ủy quyền khi đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại biểu có mặt tại Đại hội.

5. Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua từng phần bằng hình thức giơ Thẻ/Phiếu biểu quyết.

6. Cổ đông đến ĐH muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại ĐH, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dùng ĐH để cho họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

7. Cổ đông có thể đề đạt ý kiến trực tiếp tại Đại hội hoặc ghi ra giấy và chuyển đến bàn Ban Thư ký. Khi muốn phát biểu ý kiến, cổ đông giơ Thẻ biểu quyết và chỉ phát biểu sau khi được Chủ tọa mời. Để Đại hội có chất lượng, cổ đông chuẩn bị ý kiến phát biểu ngắn gọn, rõ ràng và thời gian một lần phát biểu không quá 10 phút.

C. Nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông khi tham dự Đại hội:

1. Tham gia hoặc ủy quyền tham gia cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo Luật doanh nghiệp.

2. Các cổ đông hay đại diện cổ đông khi tới tham dự cuộc họp phải mặc trang phục chỉnh tề, lịch sự, hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức Đại hội.

3. Nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

4. Trong suốt quá trình diễn ra Đại hội, các cổ đông tham dự Đại hội không hút thuốc lá, không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong Hội trường. Các cổ đông tham dự Đại hội tắt chuông điện thoại di động, nếu có nhu cầu cần thiết ra ngoài hội trường nói chuyện điện thoại.

5. Phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban Tổ chức đại hội quy định và tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban Tổ chức.

6. Tuyệt đối tuân thủ sự điều hành của chủ tọa, chỉ được phát biểu khi có sự đồng ý của chủ tọa.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ban thẩm tra tư cách cổ đông

Ban thẩm tra tư cách cổ đông gồm 01 thành viên do Ban tổ chức Đại hội quyết định thành lập. Ban thẩm tra tư cách cổ đông dự Đại hội có trách nhiệm tiếp nhận các giấy tờ để kiểm tra tư cách cổ đông hoặc người được ủy quyền đến họp Đại hội; Phát các tài liệu và Thẻ biểu quyết; Báo cáo trước Đại hội và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm tra tư cách cổ đông dự Đại hội trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu gồm 03 thành viên do Chủ tọa Đại hội đề cử và được biểu quyết thông qua tại Đại hội. Thành viên Ban kiểm phiếu có thể là cổ đông nhưng không phải là người có tên trong danh sách đề cử hay ứng cử vào Hội đồng quản trị hay Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

a) Tổ chức kiểm phiếu biểu quyết; kiểm tra, giám sát việc biểu quyết của cổ đông, đại diện CĐ; Xác định kết quả biểu quyết của CĐ các vấn đề thông qua tại ĐH.

b) Chuẩn bị thùng phiếu, phổ biến Quy chế bầu cử, danh sách ứng viên bầu HĐQT, trình tự bỏ phiếu, hướng dẫn thực hiện bầu thành viên HĐQT theo Quy định tại Quy chế bầu cử.

c) Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông hoặc người đại diện và tổ chức kiểm phiếu; lập Biên bản kiểm phiếu và công bố trước Đại hội; giao lại Biên bản và toàn bộ phiếu bầu cho Chủ tịch Đại hội.

d) Mọi công việc kiểm tra lập Biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải làm việc trung thực, chính xác và phải chịu trách nhiệm về kết quả đó.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Đoàn chủ tịch

Điều hành Đại hội là Đoàn Chủ tịch, gồm có Chủ tịch và các thành viên do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đề cử và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết tán thành. Chủ tịch là người chủ trì Đại hội (Chủ tọa). Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Đoàn Chủ tịch có trách nhiệm:

1. Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các quy chế, thể lệ đã được Đại hội thông qua.

2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.

3. Có quyền hoãn Đại hội khi đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp có người tham dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

4. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

5. Giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có) trong quá trình diễn ra Đại hội.



Điều 7: Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký Đại hội

1. Giúp việc cho Đoàn Chủ tịch và Đại hội là Ban Thư ký Đại hội. Ban Thư ký ĐH gồm 02 thành viên do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết tán thành.

2. Ban Thư ký có nhiệm vụ:

a) Ghi chép đầy đủ và trung thực các nội dung của Đại hội; lập biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

b) Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo Biên bản và Nghị quyết của Đại hội hoặc thông báo gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.

c) Tiếp nhận phiếu đóng góp ý kiến của các cổ đông.

CHƯƠNG III TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 8: Điều kiện và cách thức tiến hành Đại hội

- Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

- Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 sẽ thảo luận và thông qua các nội dung:

* Thông qua Chương trình Đại hội.

* Thông qua Quy chế tổ chức và Quy chế biểu quyết - bầu cử tại Đại hội.

* Thông qua các Báo cáo và Tờ trình tại Đại hội:

- Báo cáo của Ban giám đốc về kết quả SXKD năm 2020 và KH năm 2021.

- Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán.

- Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020.

- Báo cáo giám sát của BKS năm 2020.

- Tờ trình phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2020 và Kế hoạch năm 2021.

- Tờ trình quyết toán lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và KH năm 2021.

- Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.

- Tờ trình về việc sửa đổi - bổ sung: Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Trường Sơn 532; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Trường Sơn 532.

- Tờ trình về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Trường Sơn 532.

- Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Trường Sơn 532.

- Tờ trình của HĐQT về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT.

* Các nội dung khác (nếu có).

* Bầu nhân sự bổ sung vào HĐQT:

- Biểu quyết và bầu cử nhân sự bổ sung vào HĐQT.

CHƯƠNG IV THẢO LUẬN, THÔNG QUA VÀ BIÊN BẢN ĐẠI HỘI

Điều 9: Thảo luận tại Đại hội

Khi thảo luận các vấn đề trong chương trình Đại hội, cổ đông cần tuân thủ các quy định sau đây:

1. Nguyên tắc: Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa chấp thuận cho phát biểu.

2. Cách thức phát biểu: Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua để đảm bảo Đại hội được tiến hành đúng như chương trình nghị sự đã thông qua, nội dung không bị vi phạm pháp luật, liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn Doanh nghiệp.

3. Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông. Các ý kiến đóng góp hoặc chất vấn sẽ được tập hợp cùng lúc và được giải đáp theo tuần tự và chỉ được tham gia đóng góp ý kiến trong phần thảo luận của ĐH. Trường hợp nhiều cổ đông có ý kiến trùng lặp với nhau thì Đoàn Chủ tịch sẽ chọn lọc và trả lời chung cho tất cả các cổ đông. Sau khi không còn ý kiến phát biểu, Chủ tọa sẽ lần lượt trả lời ý kiến của từng cổ đông hoặc chỉ định người có trách nhiệm trong Ban điều hành Công ty trả lời các ý kiến này.

Điều 10: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Các vấn đề biểu quyết tại Đại hội được thông qua khi đạt tỷ lệ ít nhất 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông và đại diện cổ đông dự họp chấp thuận.

Điều 11. Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi thành biên bản Đại hội. Biên bản và Nghị quyết của Đại hội được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ tại Công ty.

Điều 12: Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm 4 chương 12 điều và có hiệu lực kể khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

Trên đây là toàn bộ Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Trường Sơn 532. Kính trình Đại hội xem xét thông qua./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
ĐOÀN CHỦ TỊCH**

DỰ THẢO

**QUY CHẾ BIỂU QUYẾT, BẦU CỬ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Trường Sơn 532;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 03/4/2021,

Đề ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Công ty CP Trường Sơn 532 được thành công, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị Công ty kính trình ĐHĐCĐ thông qua Quy chế biểu quyết, bầu cử tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 với các nội dung như sau:

Điều 1. Quyền biểu quyết, bầu cử của cổ đông

1.1. Nguyên tắc chung:

- Tất cả các vấn đề trong chương trình Đại hội đều được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của tất cả các cổ đông bằng Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử theo số cổ phần sở hữu và đại diện.

- Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự họp sẽ được cấp 01 Thẻ Biểu quyết, 01 Phiếu biểu quyết và 01 Phiếu bầu cử trong đó ghi tên cổ đông/đại diện được ủy quyền, số cổ phần có quyền biểu quyết (sở hữu và ủy quyền) của cổ đông và có đóng dấu của Công ty cổ phần Trường Sơn 532 ở góc trái phía trên. Trong mỗi phiếu biểu quyết sẽ ghi các nội dung cần biểu quyết.

1.2. Quy định cụ thể về Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử:

- Thẻ biểu quyết có màu xanh: sử dụng để thể hiện ý kiến của mình với các vấn đề, nội dung được tiến hành trong Đại hội.

- Phiếu biểu quyết có màu trắng: Trên Phiếu biểu quyết ghi rõ họ tên cổ đông, số cổ phần sở hữu, mã số cổ đông, tổng số phiếu biểu quyết (mỗi cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với 01 phiếu biểu quyết), có ghi ngày Đại hội và đóng dấu Công ty CP Trường Sơn 532. Trên Phiếu biểu quyết có ghi các vấn đề cần biểu quyết trong chương trình Đại hội và được sử dụng để ghi ý kiến, bỏ phiếu.

- Phiếu bầu cử bầu thành viên HĐQT có màu hồng được sử dụng để ghi số lượng phiếu bầu và bỏ phiếu.

- Cổ đông hoặc người được ủy quyền cần kiểm tra kỹ những nội dung ghi trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử. Nếu thiếu những nội dung theo quy định thì cần liên hệ với Ban tổ chức Đại hội để đổi lại phiếu khác.

1.3. Quyền biểu quyết: Mỗi cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với 01 phiếu biểu quyết.

1.4. Quyền bầu cử: Mỗi cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với 01 phiếu bầu.

1.5. Nội dung khác: Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết, bầu cử ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm phải dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết, bầu cử đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

Điều 2. Các quy định liên quan đến bỏ phiếu và kiểm phiếu

2.1. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu hoàn tất và kết thúc khi Ban kiểm phiếu tuyên bố kết thúc việc bỏ phiếu.

2.2. Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.

2.3. Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được công bố tại Đại hội.

Điều 3. Quy định về biểu quyết tại Đại hội

3.1. Biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết: Biểu quyết công khai trực tiếp đối với từng vấn đề cần biểu quyết bằng cách cổ đông giơ Thẻ biểu quyết tại Đại hội. Được thực hiện đối với các nội dung: Thông qua chương trình Đại hội; Thông qua quy chế làm việc của Đại hội; Thông qua nhân sự Đoàn chủ tịch; Thư ký đại hội; Ban Kiểm phiếu; Thông qua Quy chế biểu quyết - bầu cử; Thông qua Biên bản đại hội và các vấn đề khác được Chủ tọa đề nghị. Các cổ đông tham dự Đại hội biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết (khi được Chủ tọa hỏi ý kiến: Đồng ý hay Không đồng ý); những cổ đông không giơ Thẻ biểu quyết được xem như không có ý kiến về vấn đề cần biểu quyết.

3.2. Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết: Biểu quyết công khai đối với các vấn đề cần biểu quyết bằng cách bỏ Phiếu biểu quyết. Kết quả kiểm phiếu được công bố ngay trước khi bế mạc Đại hội. Phiếu biểu quyết được sử dụng để thông qua nội dung xin ý kiến đã được trình bày tại Tờ trình, Báo cáo tại Đại hội (bao gồm các nội dung đã được cổ đông nêu ý kiến và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận sửa đổi trực tiếp tại Đại hội). Cổ đông thực hiện biểu quyết như sau:

- Cổ đông hoặc Người đại diện được ủy quyền thực hiện việc biểu quyết để **đồng ý**, hoặc **không đồng ý**, hoặc **không có ý kiến** một vấn đề bằng cách cổ đông đánh dấu “X” vào ô tương ứng trong Phiếu biểu quyết theo trình tự: “Đồng ý”, “Không đồng ý” và “Không có ý kiến”.

- Trường hợp thay đổi ý kiến, cổ đông ký nháy bên cạnh ô lấy ý kiến lựa chọn cuối cùng để tránh giả mạo.

- Phiếu biểu quyết không có đánh dấu (X) vào ô biểu quyết nào được coi là không có ý kiến.

- Sau khi biểu quyết hết các nội dung, cổ đông biểu quyết ký tên vào Phiếu biểu quyết và bỏ vào thùng phiếu, Ban kiểm phiếu thu hồi Phiếu biểu quyết của cổ đông để thống kê kết quả.

Ghi chú: Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một đơn vị biểu quyết.

3.3. Tính hợp lệ của phiếu biểu quyết:

a. Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu biểu quyết có ghi đầy đủ các thông tin nêu tại mục 1.1/Điều 1 và không bị rách nát, tẩy, gạch, xóa hoặc sửa chữa.

b. Các trường hợp Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

- Phiếu biểu quyết vi phạm các quy định tại điểm a khoản này.

- Phiếu biểu quyết bị tẩy, gạch, xóa hoặc sửa chữa.

- Phiếu biểu quyết có dấu (X) đánh vào 2 ô hoặc cả 3 ô biểu quyết của một nội dung biểu quyết mà không ký nháy vào ô lựa chọn cuối cùng.

- Phiếu không có chữ ký của Cổ đông.

3.4. Điều kiện thông qua các vấn đề biểu quyết: Quyết định của Đại hội được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

Điều 4. Quy định về bầu bổ sung Thành viên HĐQT

4.1. Số lượng Thành viên HĐQT bầu bổ sung: 01 thành viên.

4.2. Danh sách ứng cử viên:

- Là những người có đủ điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 1 Điều 155 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều lệ Công ty.

- Danh sách ứng viên được Đoàn chủ tịch trình tại Đại hội.

4.3. Tính hợp lệ của Phiếu bầu cử:

a. Phiếu bầu cử hợp lệ: là phiếu do Ban Tổ chức Đại hội phát ra, ghi rõ mã số cổ đông, số cổ phần sở hữu, tổng số phiếu bầu, có đóng dấu của Công ty CP Trường Sơn 532; Phiếu bầu cho ứng viên có tên trong danh sách và trong phạm vi số lượng thành viên cần bầu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Tổng số lượng phiếu bầu nhỏ hơn hoặc bằng tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó; Không thuộc trường hợp quy định tại mục b Điều này.

b. Phiếu bầu cử không hợp lệ: là phiếu không do Ban tổ chức phát ra; Không có dấu của Công ty CP Trường Sơn 532; Ghi tên ứng cử viên không có trong danh sách đề cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Tổng số phiếu bầu đã thực hiện bầu lớn hơn tổng số phiếu bầu được quyền bầu của cổ đông ghi trên phiếu bầu cử tương ứng với mỗi phần bầu cử; Bị tẩy xóa, sửa chữa nhằm cố ý gây sai lệch thông tin; Bị rách nát hoặc hư hỏng dẫn đến không xác định được chính xác số phiếu đã bầu; Phiếu không ký tên và ghi rõ họ tên cổ đông.

4.4. Phương thức bầu cử:

- Việc bầu cử thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại Khoản 3, Điều 148 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

- Cổ đông hoặc người được ủy quyền điền số phiếu bầu muốn bầu cho các ứng cử viên vào cột "Số phiếu bầu".

- Nếu cổ đông không bầu cho ứng cử viên nào thì để trống hoặc ghi số 0 vào cột "Số phiếu bầu" tương ứng với ứng cử viên đó.

- Tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của một cổ đông không vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông được ghi trên phiếu bầu cử tương ứng với mỗi phần bầu cử.

5. Nguyên tắc xác định người trúng cử và công bố kết quả bầu cử :

a. Người trúng cử Thành viên HĐQT phải có tổng số phiếu bầu tối thiểu đạt 51% tổng số phiếu bầu của tất cả các cổ đông tham dự Đại hội.

b. Kết quả bầu cử được Ban kiểm phiếu công bố ngay tại Đại hội.

c. Kết quả bầu cử được ĐHĐCĐ thông qua và ĐHĐCĐ giao HĐQT thực hiện thủ tục báo cáo kết quả với Tổng Công ty việc bầu bổ sung Thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2018-2023. ✓

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
ĐOÀN CHỦ TỊCH**

BÁO CÁO
Kết quả SXKD năm 2020 và kế hoạch năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ kết quả SXKD năm 2020 và Kế hoạch năm 2021 của Đơn vị đã báo cáo thông qua Chủ tịch HĐQT Tổng CTXD Trường Sơn, HĐQT Công ty CP Trường Sơn 532; Ban giám đốc Công ty báo cáo Đại hội các nội dung sau:

Tình hình chung:

Công ty Cổ phần Trường Sơn 532 triển khai thực hiện nhiệm vụ năm 2020 có những thuận lợi đó là: tình hình tài chính ổn định; nội bộ đoàn kết thống nhất; Đơn vị tự tìm thêm được nguồn việc làm mới bổ sung và được Tổng công ty giao thêm việc làm cho Công ty các công trình tại thành phố Đà Nẵng; Công ty giữ được uy tín đối với các Chủ đầu tư bằng chất lượng, tiến độ đã thực hiện các công trình làm cơ sở cho công tác tìm việc làm trong thời gian tới.

Tuy nhiên, Công ty 532 cũng gặp một số khó khăn trong quá triển khai thực hiện nhiệm vụ năm 2020 đó là: nhiều công trình triển khai thi công bị vướng công tác GPMB và các thủ tục pháp lý (Tuyến đường vành đai phía Tây, Đường vành đai phía Tây 2, công trình HTKT Khu Đông Hải, công trình HTKT Khu Trà Bồng - Quảng Ngãi); ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 một số công trình tại khu vực thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam phải tạm dừng thi công (tháng 8 và đầu tháng 9/2020); thời tiết không thuận lợi (ảnh hưởng của bão và mưa lớn liên tục trong quý 4/2020 gây rất nhiều khó khăn trong quá trình thi công là nguyên nhân chính không đạt kế hoạch đề ra.

Trước tình hình khó khăn chung của năm 2020 nên công tác thanh toán của một số Chủ đầu tư còn chậm, tạo áp lực lớn về vốn cho sản xuất.

Từ những đặc điểm cơ bản trên về từng mặt đã ảnh hưởng tới kết quả sản xuất kinh doanh chung của toàn Công ty.



[Handwritten signature]

Phần thứ nhất
KẾT QUẢ SXKD NĂM 2020

I. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD:

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	Năm 2020	Tỷ lệ HT so với KH năm (%)
1	Giá trị sản xuất	1.000 đồng	169.642.898	80,8%
2	Giá trị nghiệm thu (ĐVHT)	1.000 đồng	177.434.694	77,1%
3	Giá trị doanh thu (ĐVHT)	1.000 đồng	161.445.256	77,2%
4	Giá trị thanh toán	1.000 đồng	159.269.024	70,8%
5	Các khoản thu nộp (NSNN, BH, TCT)	1.000 đồng	10.300.306	57,7%
6	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đồng	2.019.832	41,1%
7	Lợi nhuận sau thuế	1.000 đồng	1.651.275	42,0%
	<i>Tỷ suất sinh lời/Doanh thu</i>	(%)	1,3	53,3%
	<i>Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu</i>	(%)	1,0	54,4%
8	Tổng số lao động	người	146	100,7%
9	Thu nhập bình quân	đ/ng/th	9.323.594	103,6%
10	Giá trị việc làm	1.000 đồng	302.491.647	86,4%
11	Đầu tư xây dựng cơ bản+ thiết bị	1.000 đồng	2.306.682	18,8%
-	<i>Trong đó: Xây lắp</i>	1.000 đồng	0	
-	<i>Thiết bị</i>	1.000 đồng	2.306.682	

II. Đánh giá kết quả:

* **Ưu điểm:** Hoạt động SXKD ổn định, công tác tài chính đảm bảo cân đối tốt, đảm bảo được thu nhập cho người lao động. Công ty giữ vững được uy tín với các Chủ đầu tư và đối tác trong thực hiện các Hợp đồng TCXD để tạo cơ hội việc làm cho các năm tiếp theo.

* **Tồn tại, hạn chế:**

- Công tác quản lý, điều hành từ Ban giám đốc, cơ quan Công ty đến các đơn vị thi công đôi lúc chưa quyết liệt, kịp thời.

- Giá trị dở dang cuối năm còn ở mức cao: 77,70 tỷ đồng; trong đó: các Gói thầu do TCT giao lại giá trị dở dang còn 35,46 tỷ đồng. Đặc biệt: Gói XL01&02 dự án La Sơn - Túy Loan: 10,483 tỷ đồng; Gói 2 cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi: 11,835 tỷ đồng dở dang từ năm trước để lại. Các công trình đơn vị tự tìm dở dang 42,24 tỷ đồng nguyên nhân chủ yếu do Chủ đầu tư chưa bố trí

được vốn cho công trình trong năm, các thủ tục về BVTC - dự toán điều chỉnh chưa phê duyệt kịp thời.

- Công ty đã thành lập Ban chỉ đạo nghiệm thu, thanh toán, thu hồi công nợ mặc dù đã có nhiều cố gắng, nỗ lực nhưng công tác thu hồi công nợ kết quả còn hạn chế.

- Định biên lao động trong Công ty tuy đã có Nghị quyết của HĐQT nhưng thực hiện chưa triệt để: số lượng lao động gián tiếp còn nhiều, lao động trực tiếp (lái xe, lái máy...) số lượng còn ít chưa đáp ứng được nhu cầu.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH NĂM 2021

Năm 2021 là năm thứ tư Công ty cổ phần Trường Sơn 532 đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần; hoạt động SXKD của Công ty tập trung vào khâu quản trị doanh nghiệp để đảm bảo sản xuất - kinh doanh có lãi, ổn định tài chính, đảm bảo đời sống cho người lao động và tỉ lệ cổ tức.

I. Kế hoạch SXKD năm 2021:

- Giá trị sản xuất đạt 300 tỷ đồng trở lên.
- Giá trị nghiệm thu (ĐVHT) đạt 315 tỷ đồng trở lên.
- Doanh thu (ĐVHT) đạt 286 tỷ đồng trở lên.
- Giá trị thanh toán đạt 320 tỷ đồng trở lên.
- Lợi nhuận trước thuế: 5,0 tỷ đồng trở lên.
- Lợi nhuận sau thuế: 4,0 tỷ đồng trở lên.
- Tỉ lệ cổ tức 10% trở lên.
- Nộp ngân sách Nhà nước, nộp BQP và nộp TCT: theo đúng quy định.
- Giá trị tìm việc làm mới đạt 300 tỷ đồng trở lên.
- Thu nhập bình quân đạt 9.500.000 đồng/người/tháng trở lên.
- Đầu tư XDCB + XMTB: 25,8 tỷ đồng.

II. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021:

- Năm 2021, Công ty đã có đủ điều kiện để đẩy mạnh sản xuất như: công tác GPMB một số công trình đã được Chủ đầu tư & địa phương quan tâm giải quyết; có nguồn việc làm chuyên tiếp đủ để bố trí cho các Đơn vị thi công.

- Quyết tâm của Công ty trong năm là bám sát mục tiêu kế hoạch năm 2021: phấn đấu hoàn thành tất cả các chỉ tiêu SXKD; tài chính ổn định, sản xuất có hiệu quả.

- Thực hiện liên danh - liên kết với các đối tác để đấu thầu các dự án thuộc vốn Ngân sách Nhà nước, tiếp tục tham gia các dự án xây dựng do các Tập đoàn tư nhân có uy tín làm chủ đầu tư trên cơ sở nghiên cứu kỹ nguồn vốn. Xây dựng bộ hồ sơ năng lực của Công ty tương đối đầy đủ làm cơ sở cho công tác đấu thầu các công trình năm 2021 và các năm tiếp theo.

44
GT
HÂN
IG S
32
HỒ Đ

- Giao chỉ tiêu SXKD cụ thể cho các đơn vị trong Công ty, gắn việc hoàn thành kế hoạch SXKD cho cán bộ chủ trì các đơn vị (giám đốc XN, đội trưởng, bí thư, trưởng Ban CHCT). Lựa chọn đơn vị thầu phụ có năng lực tham gia thi công để đảm bảo tiến độ các công trình và tăng giá trị sản lượng, doanh thu.

- Phối hợp với Chủ đầu tư, Ban QLDA và địa phương về công tác GPMB.

- Điều hành quyết liệt tiến độ thi công các công trình từ công tác chỉ đạo của Ban giám đốc, các phòng xuống các đơn vị thi công. Tổ chức tập trung lực lượng thi công các công trình: HTKT KĐT Thủy Tú, HTKT khu TĐC Đông Hải, Tuyến đường vành đai phía Tây 1, đường vành đai phía Tây 2 - Đà Nẵng; HTKT khu dân cư kè Bắc sông Trà Bồng - Quảng Ngãi, công trình đê bao chống triều cường - Trà Vinh, HTKT khu du lịch Đăng Kim Long - Thừa Thiên Huế, Cầu Giao Thủy - Quảng Nam, Gói thầu Đ37G dự án đường Trường Sơn Đông, các hợp đồng thi công BTN và các công trình tìm mới năm 2021.

- Đối với công tác sản xuất đá, bê tông thương phẩm: chủ động sản xuất, tập kết vật liệu thi công các công trình.

- Chỉ đạo quyết liệt công tác điều chỉnh giá, nghiệm thu, quyết toán, thu hồi công nợ ở các Chủ đầu tư - đối tác đạt kết quả.

- Rà soát kiểm tra công tác và kết quả giao khoán nội bộ của Công ty đối với các đơn vị để có giải pháp tiết kiệm chi phí đảm bảo hiệu quả SXKD của Công ty.

- Triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư mua sắm thiết bị mới để chủ động thi công các công trình và tăng năng lực cho công tác đấu thầu.

- Công tác tuyển dụng: cán bộ kỹ thuật, lái xe, lái máy, thợ sửa chữa vận hành máy phải ưu tiên để tuyển dụng được lao động có trình độ chuyên môn và tay nghề cao; sàng lọc, thay thế lao động yếu kém về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực.

- Tiếp tục thực hiện chủ trương của Đảng ủy Binh đoàn 12 và Đảng ủy Công ty cổ phần Trường Sơn 532 về sắp xếp, cơ cấu lại tổ chức biên chế, lực lượng theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Kiện toàn tổ chức cơ quan Công ty cho phù hợp với mô hình Công ty cổ phần.

Với kết quả SXKD năm 2020 và Kế hoạch năm 2021 của Công ty cổ phần Trường Sơn 532; Giám đốc Công ty kính báo cáo Đại hội./.



Trung tá Vũ Đức Dũng

BÁO CÁO CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NĂM 2020
(Đã được kiểm toán)

Kính gửi: Đại hội Đồng cổ đông.

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh và Báo cáo Tài chính năm 2020 đã được kiểm toán, HĐQT báo cáo các chỉ tiêu năm 2020 như sau:

I. Các chỉ tiêu tài chính năm 2020:

Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
I. Tài sản ngắn hạn	100-BCĐKT	Tr.đồng	229.373	180.993
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110-BCĐKT	Tr.đồng	19.708	5.285
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120-BCĐKT	Tr.đồng		
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	130-BCĐKT	Tr.đồng	117.972	85.744
Trong đó: Nợ phải thu khó đòi		Tr.đồng		
4. Hàng tồn kho	140-BCĐKT	Tr.đồng	90.187	88.555
5. Tài sản ngắn hạn khác	150-BCĐKT	Tr.đồng	1.506	1.410
II. Tài sản dài hạn	200-BCĐKT	Tr.đồng	39.697	46.159
1. Các khoản phải thu dài hạn	210-BCĐKT	Tr.đồng	12.968	11.265
- Phải thu dài hạn của khách hàng	211-BCĐKT	Tr.đồng	12.318	10.663
- Trả trước cho người bán dài hạn	212-BCĐKT	Tr.đồng	500	602
- Phải thu dài hạn khác	216-BCĐKT	Tr.đồng	150	
1. Tài sản cố định	220-BCĐKT	Tr.đồng	25.324	26.596
- Tài sản cố định hữu hình	221-BCĐKT	Tr.đồng	25.324	26.596
- Tài sản cố định thuê tài chính	224-BCĐKT	Tr.đồng		
- Tài sản cố định vô hình	227-BCĐKT	Tr.đồng		
2. Bất động sản đầu tư	230-BCĐKT	Tr.đồng		
3. Tài sản dở dang dài hạn	240-BCĐKT	Tr.đồng	1.060	7.865
4. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250-BCĐKT	Tr.đồng		
Trong đó: - Đầu tư vào công ty con	251-BCĐKT	Tr.đồng		
- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254-BCĐKT	Tr.đồng		
5. Tài sản dài hạn khác	260-BCĐKT	Tr.đồng	345	433
III. Nợ phải trả	300-BCĐKT	Tr.đồng	229.040	184.743
1. Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT	Tr.đồng	112.486	85.392
Trong đó: Nợ quá hạn		Tr.đồng		
2. Nợ dài hạn	330-BCĐKT	Tr.đồng	116.554	99.351
IV. Nguồn vốn chủ sở hữu	400-BCĐKT	Tr.đồng	40.030	42.409



Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1. Vốn của chủ sở hữu	410-BCĐKT	Tr.đồng	40.030	42.315
- Vốn góp của chủ sở hữu	411-BCĐKT	Tr.đồng	38.519	38.519
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421-BCĐKT	Tr.đồng	1.156	3.796
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác		Tr.đồng		94
V. Kết quả kinh doanh				
1. Tổng doanh thu		Tr.đồng	161.445	154.469
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10-BCKQKD	Tr.đồng	161.304	154.375
- Doanh thu hoạt động tài chính	21-BCKQKD	Tr.đồng	9	72
- Thu nhập khác	31-BCKQKD	Tr.đồng	132	22
2. Tổng chi phí		Tr.đồng	159.425	150.864
- Trong đó: Chi phí lãi vay		Tr.đồng	2.938	3.764
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	50-BCKQKD	Tr.đồng	2.020	3.605
4. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	60-BCKQKD	Tr.đồng	1.651	2.827
VI. Chỉ tiêu khác				
1. Tổng số phát sinh phải nộp ngân sách		Tr.đồng	6.220	2.342
<i>Trong đó: các loại thuế</i>		Tr.đồng	6.220	2.342
2. Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu		%	5,24	9,35
3. Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu		Lần	5,95	4,79
4. Tổng Quỹ lương		Tr.đồng	32.445	17.543
5. Số lao động bình quân		Người	144	150
6. Tiền lương bình quân người/năm		Tr.đồng	9,324	7,486

II. Phân tích các nội dung:

1. Tình hình và kết quả kinh doanh:

*Thuận lợi:

Công ty có đủ việc làm chuyên tiếp từ những năm trước và việc làm mới bổ sung, người lao động tin tưởng và yên tâm công tác, nội bộ đoàn kết thống nhất, các chế độ chính sách, thu nhập của người lao động được đảm bảo. Bên cạnh đó luôn nhận được sự quan tâm, giúp đỡ và chỉ đạo thường xuyên của Thủ trưởng và các cơ quan Tổng Công ty cùng với sự chủ động, linh hoạt bám sát Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua chủ động khắc phục khó khăn thực hiện hoàn thành nhiệm vụ năm 2020.

*Khó khăn:

Công tác thị trường việc làm cạnh tranh, vốn và năng lực thiết bị hạn chế nên khó tiếp cận những dự án có giá trị cao, nhiều công trình vướng trong công tác giải phóng mặt bằng, thiết kế BVTC chậm, ngân hàng ngày càng thắt chặt tín dụng, thiên tai bão lũ và dịch bệnh trong năm qua tác động trực tiếp đến khu

vực Miền Trung. Do vậy; Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 không đạt kế hoạch theo Nghị quyết của Đại hội đề ra.

2. Tình hình và kết quả triển khai các dự án đầu tư:

Trong năm 2020 thực hiện đầu tư mua sắm 03 thiết bị mới, chi phí đầu tư: 2.306.682.000 đồng; trong đó:

- Đầu tư máy ủi D51EX-22: 1.050.000.000 đồng.
- Đầu tư trạm BTXM 60m3/h: 1.200.283.000 đồng.
- Đầu tư hệ thống thiết bị giao ban trực tuyến: 56.399.000 đồng.

Các thủ tục đầu tư tuân thủ đúng theo quy định Tổng công ty xây dựng Trường Sơn, luật đầu tư. Đến nay, các thiết bị trên đã đưa vào sử dụng và phát huy hiệu quả theo phương án đầu tư.

3. Việc quản lý nợ phải thu, nợ phải trả, nguyên nhân và giải pháp xử lý các khoản nợ phải thu khó đòi, nợ phải trả quá hạn:

Nợ phải thu, nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, phân loại nợ và tuổi nợ theo năm, hàng quý và cuối năm đều thực hiện đối chiếu công nợ đầy đủ. Một số khoản nợ quá hạn đã được trích lập dự phòng. Công ty đã thành lập Ban thu hồi công nợ, phân công phụ trách chi tiết và gắn trách nhiệm cho từng thành viên, xây dựng kế hoạch thu nợ và có giải pháp cụ thể thu nợ đối với các khoản nợ quá hạn.

4. Tình hình quản lý sử dụng và bảo toàn vốn góp của nhà nước:

Tình hình quản lý, sử dụng Vốn Nhà nước tại doanh nghiệp được theo dõi chặt chẽ, phản ánh đúng qui định, Vốn được bảo toàn và phát triển.

Bố trí cơ cấu nguồn vốn:

- Vốn Chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn: 14,9% (40.029,6 trđ/269.069,7 trđ).
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn: 85,1% (229.040,0 trđ/269.069,7 trđ).
- Hệ số bảo toàn vốn: 1,04 lần (40.029,6 trđ/38.519 trđ).

5. Tình hình thực hiện các khoản thu:

Tổng nợ phải thu đến 31/12/2020 là: 130.939,5 triệu đồng, trong đó; Trả trước cho người bán: 22.819,3 triệu đồng, phải thu khác: 16.058,8 triệu đồng, phải thu của khách hàng: 93.234,9 triệu đồng (trong đó; trích lập dự phòng khoản phải thu khó đòi 1.173,5 triệu đồng). Đơn vị đã tích cực thanh toán thu hồi công nợ, tuy nhiên kết quả đạt được chưa cao, nợ phải thu cuối năm lớn do một số dự án Chủ đầu tư thiếu vốn, các công trình có vốn tư nhân thanh toán chậm, tạm giữ quyết toán bàn giao của một số công trình kéo dài. Nợ phải thu được theo dõi chặt chẽ, chi tiết, phân theo tuổi nợ từng năm và thực hiện đối chiếu công nợ đầy đủ.

6. Tình hình và khả năng thanh toán nợ; Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính liên quan đến Tổng công ty (cổ tức, công nợ):

Tổng nợ phải trả đến 31/12/2020: 229.040 triệu đồng, trong đó; Phải trả cho người bán: 37.733,5 triệu đồng; người mua trả tiền trước: 103.731,3 triệu đồng; Thuế và các khoản nộp NSNN: 3.765,5 triệu đồng; phải trả cho người lao động: 3.367,7 triệu đồng; vay và nợ thuê tài chính: 66.953,5 triệu đồng (Dự nợ vay Tổng Công ty: 1.038,5 triệu đồng); phải trả khác: 13.488,5 triệu đồng.

Đánh giá khả năng thanh toán nợ phải trả:

- Khả năng thanh toán hiện thời: 2,04 lần.
- Khả năng thanh toán nhanh: 1,24 lần.
- Hệ số nợ phải trả/Vốn Chủ sở hữu: 5,95 lần.
- Tỷ trọng vốn vay/Tổng nguồn vốn: 24,9 %.

7. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước:

Việc kê khai và quyết toán thuế được thực hiện đầy đủ theo đúng Luật Thuế và các văn bản hướng dẫn hiện hành của Nhà nước.

III. Đánh giá và kiến nghị:

Căn cứ vào năng lực của Công ty khó tham gia các dự án lớn, nên Đơn vị đề nghị Tổng CTXD Trường Sơn tạo điều kiện giao cho đơn vị thi công các Gói thầu do Tổng công ty trúng thầu tại khu vực miền Trung tập trung tại địa bàn: tỉnh Quảng Nam, Thừa Thiên Huế và thành phố Đà Nẵng.

Trong năm 2021 và các năm tiếp theo, Công ty tiếp tục thực hiện tổ chức sắp xếp lại bộ máy quản lý và tinh gọn lao động đặc biệt là khối cơ quan Công ty để đảm bảo hiệu lực - hiệu quả và tăng thu nhập cho người lao động. Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh về chế độ chính sách đối với cán bộ và người lao động; Công ty sẽ báo cáo và đề nghị Tổng công ty quan tâm hướng dẫn đơn vị thực hiện theo đúng các quy định.

Với các nội dung trên, HĐQT Công ty kính trình Đại hội xem xét./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Đại tá Đặng Văn Quân

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và kết quả thực hiện năm 2020; Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Trường Sơn 532 báo cáo Đại hội các nội dung sau:

A. THÔNG TIN CHÍNH VỀ DOANH NGHIỆP VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN:

1. Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần Trường Sơn 532.
2. Địa chỉ trụ sở chính: đường Phạm Như Xương nối dài, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.
3. Giấy đăng ký kinh doanh số: 0401524441; Ngày cấp: 02/02/2018; Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng.
4. Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng cơ bản.
5. Điện thoại: 0236.3731122 - 3733904 - 3842131; Fax: 02363.731100.
6. Vốn điều lệ: 38.518,8 triệu đồng.
Trong đó: Vốn Nhà nước: 26.392,24 triệu đồng (chiếm 68,52% vốn điều lệ).
7. Vốn chủ sở hữu hiện có đến cuối năm 2020: 40.030 triệu đồng (trong đó: lợi nhuận chưa phân phối là: 1.156 triệu đồng).

8. Thông tin về Người đại diện phần vốn của Tổng CTXD Trường Sơn tại Doanh nghiệp:

- Số lượng: 03.

- Danh sách người đại diện:

Ông: Đặng Văn Quân - Chủ tịch HĐQT, người đại diện phụ trách chung.

Ông: Vũ Đức Dũng - Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty.

Ông: Ngô Văn Hoàn - Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty.

9. Cơ cấu quản trị của doanh nghiệp:

- Thành phần Hội đồng quản trị: 05 thành viên.

- Ban Kiểm soát: 03 thành viên.

- Ban điều hành: Ban giám đốc (04 thành viên).

10. Người đại diện theo pháp luật: Ông: Vũ Đức Dũng - Giám đốc Công ty.

B. CÁC NỘI DUNG BÁO CÁO:

- Nội dung hoạt động của HĐQT và đánh giá kết quả SXKD 2020.

- Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc trong năm 2020.



- Báo cáo về việc: sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty; sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty; ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

- Kế hoạch định hướng của HĐQT năm 2021.

Cụ thể như sau:

I. Nội dung hoạt động của HĐQT và đánh giá kết quả SXKD 2020:

1. Nội dung hoạt động của HĐQT:

Năm 2020, HĐQT Công ty cổ phần Trường Sơn 532 đã chỉ đạo và thực hiện các nội dung:

- Rà soát, xây dựng và ban hành bổ sung một số quy chế phục vụ công tác quản lý, điều hành của Công ty.

- Họp và phê duyệt các chủ trương về đầu tư, ký kết hợp đồng thi công xây dựng và các nội dung khác do Ban giám đốc đề xuất làm cơ sở triển khai thực hiện.

- Kiểm tra kết quả SXKD năm 2020 và Kế hoạch năm 2021 do Ban giám đốc báo cáo để chuẩn bị nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

2. Đánh giá kết quả SXKD năm 2020:

a. Kết quả thực hiện:

- Giá trị sản lượng	: 169.642.898.000 đồng.
- Giá trị nghiệm thu (ĐVHT)	: 177.434.694.000 đồng.
- Doanh thu và thu nhập	: 161.445.256.000 đồng.
- Giá trị thanh toán	: 159.269.024.000 đồng.
- Giá trị tìm việc làm (Đơn vị tự tìm)	: 302.491.647.000 đồng.
- Lợi nhuận trước thuế	: 2.019.832.000 đồng.
- Lợi nhuận sau thuế	: 1.651.275.000 đồng.
- Dự kiến tỷ lệ cổ tức	: 3% / Vốn điều lệ.

b. Đánh giá kết quả thực hiện:

- Các chỉ tiêu SXKD trong năm 2020 chưa đạt Kế hoạch đề ra nguyên nhân do:

Nguyên nhân chủ quan:

+ Sức cạnh tranh của doanh nghiệp còn thấp, đặc biệt là nguồn vốn chủ sở hữu thấp, năng lực về thiết bị, nhân lực còn hạn chế, nên khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh chung của toàn Công ty.

+ Định biên lao động trong Công ty tuy đã có Nghị quyết của HĐQT nhưng thực hiện chưa triệt để: số lượng lao động gián tiếp còn nhiều, lao động trực tiếp (lái xe, lái máy, ...) và nhân viên kỹ thuật có trình độ số lượng còn ít chưa đáp ứng được nhu cầu sản xuất.

Nguyên nhân khách quan:



+ Một số Gói thầu triển khai gặp khó khăn về công tác giải phóng mặt bằng chậm trễ - kéo dài đặc biệt là các công trình có giá trị lớn: Tuyến đường vành đai phía Tây - GD1, Đường vành đai phía Tây 2, công trình HTKT Khu Đông Hải, công trình HTKT Khu Trà Bồng - Quảng Ngãi.

+ Ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 một số công trình tại khu vực thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng phải tạm dừng thi công để thực hiện giãn cách xã hội (tháng 8 và đầu tháng 9/2020). Thời tiết không thuận lợi (ảnh hưởng của bão và mưa lớn liên tục trong tháng 10 và tháng 11/2020 trên địa bàn Đà Nẵng và các tỉnh Miền Trung) gây rất nhiều khó khăn trong quá trình thi công.

+ Công tác thanh toán của một số Chủ đầu tư còn chậm, tạo áp lực lớn về vốn cho sản xuất.

- Giá trị doanh thu chủ yếu thực hiện trong lĩnh vực XD/CB (chiếm 96,7%); hoạt động SXKD khác (chiếm 3,3%). Lợi nhuận sau thuế đạt tỉ lệ: 4,3% trên vốn điều lệ, đạt 42% so với KH; nguyên nhân do: hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực XD/CB khó khăn, cạnh tranh quyết liệt về giá. Tỉ lệ cổ tức (dự kiến) đạt tỉ lệ 3% vốn điều lệ.

- Hoạt động SXKD ổn định, công tác tài chính đảm bảo cân đối tốt, đảm bảo được thu nhập cho người lao động. Công ty giữ vững được uy tín với các Chủ đầu tư và đối tác trong thực hiện các Hợp đồng TCXD để tạo cơ hội việc làm cho các năm tiếp theo.

II. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc:

- Trong năm hoạt động điều hành của Ban giám đốc tuân thủ theo đúng Điều lệ Công ty cổ phần: về kế hoạch và kết quả SXKD năm và từng quý; các Hợp đồng xây dựng, hợp đồng kinh tế lớn; chủ trương đầu tư XMTB, ... đều báo cáo và thông qua HĐQT đồng ý mới thực hiện.

- Về cơ bản Giám đốc và Ban điều hành đã có các giải pháp kịp thời và linh hoạt trong công tác thi công, nghiệm thu - thanh toán các công trình.

- Tuy nhiên, một số thời điểm công tác điều hành còn chưa quyết liệt. Chỉ đạo công tác thu hồi công nợ kết quả còn hạn chế.

Với kết quả hoạt động trong 03 năm đầu thực hiện theo mô hình Công ty cổ phần, HĐQT tin tưởng Ban giám đốc sẽ kịp thời rút kinh nghiệm từ thực tiễn quản lý - điều hành để thực hiện tốt hơn trong năm 2021 và các năm tiếp theo.

III. Điều chỉnh, bổ sung Điều lệ Công ty, quy chế quản trị điều hành Công ty:

Điều lệ Công ty cổ phần Trường Sơn 532 đã thông qua Đại hội đồng cổ đông lần đầu ngày 28/12/2017; sau đó Hội đồng quản trị đã ban hành các Quy chế quản trị điều hành trên các mặt trọng yếu của Công ty để thực hiện. Tuy nhiên, Theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021; Công ty đã Dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và các Quy chế quản trị điều hành cho phù hợp với quy định và sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

147-
T
Y
I
AN
IG S
532
PHỐ

IV. Kế hoạch định hướng của HĐQT năm 2021:

Kết thúc năm 2020 trong điều kiện chung: Tình hình dịch bệnh Covid-19 còn diễn biến phức tạp, thị trường XDCB cạnh tranh ngày càng gay gắt về giá và công nghệ - tiến độ thi công nên công tác tìm việc làm mới sẽ rất khó khăn. Từ tình hình chung, Hội đồng quản trị định hướng kế hoạch năm 2021 như sau:

- Tập trung vào khâu quản trị doanh nghiệp để đảm bảo sản xuất - kinh doanh có lãi, ổn định tài chính, đảm bảo đời sống cho người lao động và tỉ lệ cổ tức.

- Ngoài việc làm do Tổng công ty giao; Công ty tăng cường công tác tìm việc để bổ sung cho năm 2021 và các năm tiếp theo. Thực hiện Liên danh - Liên kết với các đối tác để đấu thầu các dự án thuộc vốn Ngân sách Nhà nước; tiếp tục tham gia các dự án xây dựng do các Tập đoàn tư nhân làm chủ đầu tư trên cơ sở nghiên cứu kỹ nguồn vốn.

- Chỉ đạo Ban giám đốc điều hành quyết liệt để hoàn thành các Hợp đồng thi công xây dựng theo KH đầu năm 2021 để chuyển lực lượng thi công sang công trình mới hoặc các công trình có mặt bằng.

- Tập trung công tác nghiệm thu, thanh toán; giảm giá trị dở dang xuống dưới 20% GTSX.

- Có giải pháp cụ thể để thu hồi công nợ tồn đọng.

- Tiếp tục thực hiện chủ trương của Đảng ủy Bình đoàn 12 và Đảng ủy Công ty cổ phần Trường Sơn 532 về sắp xếp, cơ cấu lại tổ chức biên chế, lực lượng theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Kiện toàn tổ chức cơ quan Công ty cho phù hợp với mô hình Công ty cổ phần.

Các chỉ tiêu Kế hoạch năm 2021 do Ban giám đốc xây dựng, đề xuất đã thông qua HĐQT Công ty và đã được Tổng công ty chấp thuận (có Phụ lục chi tiết kèm theo).

V. Đề xuất - kiến nghị:

Về cơ cấu tổ chức - biên chế lao động: Trong năm 2021 và các năm tiếp theo, Công ty tiếp tục thực hiện tổ chức sắp xếp lại bộ máy quản lý và tinh gọn lao động đặc biệt là khối cơ quan Công ty để đảm bảo hiệu lực - hiệu quả và tăng thu nhập cho người lao động. Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh về chế độ chính sách đối với cán bộ và người lao động, Công ty sẽ đề nghị Tổng công ty quan tâm hướng dẫn đơn vị thực hiện theo đúng các quy định.

Trên đây là báo cáo của HĐQT Công ty cổ phần Trường Sơn 532 kính trình Đại hội xem xét./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Đại tá Đặng Văn Quân

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC: KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-HĐQT ngày tháng 4 năm 2021 của HĐQT Công ty)

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	Năm 2021
1	Giá trị sản xuất	Triệu đồng	300.000
2	Giá trị nghiệm thu (ĐVHT)	Triệu đồng	315.000
3	Giá trị doanh thu	Triệu đồng	286.364
4	Giá trị thanh toán	Triệu đồng	320.000
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	5.000
6	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	4.000
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	(%)	10,4
8	Tỷ lệ cổ tức	(%)	10,0
9	Thu nhập bình quân	đ/ng/th	9.500.000
10	Giá trị việc làm	Triệu đồng	300.000
11	Đầu tư xây dựng cơ bản+ thiết bị	Triệu đồng	25.800
-	<i>Trong đó: Xây dựng cơ bản</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>3.000</i>
-	<i>Xe máy, thiết bị</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>22.800</i>

Đà Nẵng, ngày tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT CÁC HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Trường Sơn 532.

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Trường Sơn 532 báo cáo kết quả các hoạt động năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021 như sau:

I. Tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2020:

1. Các chỉ tiêu chủ yếu:

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện	% hoàn thành
1	Giá trị sản xuất	Tỷ đồng	210,0	169,643	80,8%
2	Giá trị nghiệm thu (ĐVHT)	Tỷ đồng	230,0	177,434	77,1%
3	Giá trị doanh thu	Tỷ đồng	209,091	161,445	77,2%
4	Giá trị thanh toán	Tỷ đồng	225,0	159,269	70,8%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	4,914	2,020	41,1%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3,931	1,651	42%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	%	10,2	4,3	42%
8	Tỷ suất sinh lời/doanh thu	%	2,3	1,3	53,3%
9	Thu nhập bình quân	ngđ/ng/t	9.000	9.324	103,6%
10	Giá trị việc làm	Tỷ đồng	350	302,491	86,4%
11	Thực hiện đầu tư:	Tỷ đồng	12,3	2,306	18,8%
+	Trong đó: xe máy thiết bị		10,3	2,306	
+	Đầu tư xây dựng CB		2		

2. Kết quả báo cáo tài chính năm 2020:

Trên cơ sở Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty CP Trường Sơn 532 lập và đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá AFA, Ban kiểm soát có nhận xét, đánh giá như sau:

- Thống nhất với Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty CP Trường Sơn 532 lập đúng theo các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

- Chứng từ, sổ sách kế toán được ghi chép, hạch toán tuân thủ theo chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, phù hợp với chuẩn mực kế toán hiện hành và các quy định pháp lý liên quan. Công tác lưu trữ tài liệu kế toán đúng quy định.

a. Kết quả SXKD năm 2020:

- Tổng doanh thu:	161.445.255.944 đồng
- Tổng chi phí phát sinh trong kỳ:	159.425.423.966 đồng
- Tổng chi phí dở dang đầu kỳ:	71.846.097.608 đồng
- Tổng chi phí dở dang cuối kỳ:	70.052.649.236 đồng
- Lợi nhuận trước thuế:	2.019.831.978 đồng
- Lợi nhuận sau thuế:	1.651.275.121 đồng
- Lợi nhuận sau khi trích quỹ:	1.155.892.585 đồng
tương ứng với tỷ lệ 3% trên vốn điều lệ.	
+ Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2020:	269.069.655.595 đồng
* Tài sản ngắn hạn:	229.372.873.755 đồng
* Tài sản dài hạn:	39.696.781.840 đồng
+ Nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2020:	269.069.655.595 đồng
Trong đó: * Nợ phải trả:	229.040.026.301 đồng
* Vốn chủ sở hữu:	40.029.629.294 đồng

b. Các khoản phải thu:

- Tổng nợ phải thu:	130.939.529.757 đồng
- Hàng tồn kho:	90.187.242.136 đồng

c. Các khoản phải trả:

+ Vốn vay và nợ thuê tài chính:	66.953.489.105 đồng
+ Phải trả người bán:	37.733.540.222 đồng

3. Nhận xét, đánh giá chung về tình hình sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2020 mặc dù các chỉ tiêu kế hoạch chưa đạt nhưng đơn vị giữ được ổn định, đoàn kết cao và có sự gắn bó. Đơn vị chủ động trong hoạt động SXKD, chủ động khai thác nguồn vốn, đảm bảo vốn cho sản xuất kinh doanh: đã huy động thế chấp tài sản cá nhân trên 15 tỷ đồng tại ngân hàng BIDV chi nhánh Hải Vân để vay vốn phục vụ cho sản xuất. Chủ động được nguồn vật liệu đất đắp, sản xuất đá các loại dự trữ phục vụ cho các dự án trong giai đoạn tiếp theo. Đã tích cực, chủ động, huy động mọi nguồn lực đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình đã ký kết; Chủ động, tích cực hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu, thanh toán các công trình, Giá trị dở dang đến 31/12/2020 phần đơn vị hạch toán (không VAT) là 68,580 tỷ đồng.

Công ty gặp một số khó khăn đó là: Một số Gói thầu triển khai gặp khó khăn về công tác giải phóng mặt bằng chậm trễ, kéo dài, đặc biệt là công trình có giá trị lớn như: Tuyến đường vành đai phía Tây - GD1, Đường vành đai phía Tây 2, công trình HTKT khu Đông Hải, công trình HTKT khu Trà Bồng - Quảng Ngãi. Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 phải thực hiện giãn cách xã hội, một số công trình tại khu vực thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam phải tạm dừng thi công từ cuối tháng 7 đến đầu tháng 9/2020. Trong tháng 10 và tháng 11/2020 ảnh hưởng của bão và mưa lớn liên tục nên các công trình trên địa bàn Đà Nẵng và các tỉnh miền trung triển khai thi công gặp rất nhiều khó khăn. Một số Chủ đầu tư chậm nghiệm thu, thanh toán đã tạo áp lực lớn về vốn cho sản xuất.

Về công tác tài chính: Công tác thanh toán, thu hồi công nợ được đặc biệt quan tâm chú trọng, Công ty đã kiện toàn lại Ban thu hồi công nợ do đồng chí Giám đốc Công ty làm trưởng ban, đã phân công cho từng cá nhân phụ trách theo công trình. Hàng tháng nợ phải thu, nợ phải trả được chia theo tuổi nợ, phân loại nợ để có biện pháp thu hồi nợ, nhất là nợ quá hạn thanh toán. Giá trị thanh toán đến 31/12/2020 là 159,269 tỷ đồng, Trong đó: thu hồi nợ từ các năm trước: 52,840 tỷ đồng. Bên cạnh đó, Công ty đã chủ động khai thác các nguồn vốn, làm việc với các đối tác cung cấp để giãn nợ những thời điểm thiếu vốn, quan hệ tốt với các tổ chức tín dụng nhằm tiếp cận những gói ưu đãi về lãi suất, cơ chế cho vay linh hoạt nên vốn được đảm bảo cho sản xuất kinh doanh. Dư nợ vay đến 31/12/2020: 66,953 tỷ đồng. Trong đó: Vay dài hạn ngân hàng 90,695 triệu đồng; Vay Tổng Công ty là 1,038 tỷ đồng. Lãi vay là: 2,937 tỷ đồng. Nợ và lãi vay được trả đầy đủ, không có nợ quá hạn. Tình hình tài chính ổn định, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 lợi nhuận trước thuế: 2,019 tỷ đồng, vốn và tài sản được theo dõi chặt chẽ, chi tiết, đúng chế độ quy định.

Công tác quản lý tài sản, xe máy thiết bị được theo dõi chặt chẽ; Hàng quý đều thực hiện công tác kiểm kê, đánh giá chất lượng thiết bị, khấu hao đúng quy định. Số trích khấu hao trong năm đạt 12,6% trên giá trị còn lại của Tài sản cố định.

Tình hình đầu tư: Chấp hành thủ tục đầu tư theo trình tự, quy định. Thực hiện quyết toán đầu tư kịp thời, sử dụng các nguồn kinh phí đầu tư hợp lý, có hiệu quả.

Về công tác tìm việc làm: Trong năm đơn vị tự tìm việc làm 10 công trình và hạng mục công trình có giá trị 302,491 tỷ đồng;

Căn cứ các chỉ tiêu tài chính cho thấy:

- Tỷ trọng tài sản ngắn hạn/nợ phải trả ngắn hạn là 2,04 lần và cơ cấu nợ phải trả còn chiếm tỷ lệ cao 85% trên tổng nguồn vốn; chứng tỏ hoạt động của Công ty vẫn chủ yếu bằng vốn vay. Song tất cả các khoản vay và nợ thuê tài chính đều nằm trong khả năng trả nợ của Công ty.

- Hệ số khả năng thanh toán tổng quát là 1,17 lần; Hệ số khả năng thanh toán hiện thời là 2,04 lần; Hệ số khả năng thanh toán nhanh là 1,24 lần. Các hệ số này cho thấy khả năng thanh toán của doanh nghiệp là tốt, vừa duy trì được khả năng thanh toán nhanh vừa không bị mất cơ hội do khả năng thanh toán nợ mang lại.

- Tỷ lệ nợ phải trả/nguồn vốn chủ sở hữu là 5,95 lần. Tỷ lệ này phản ánh hoạt động của Công ty chủ yếu vẫn dựa vào vốn vay.

- Lợi nhuận trước thuế năm 2020 là 2,019 tỷ đồng, Tỷ suất sinh lời trên doanh thu là 1,3%; vốn và tài sản được theo dõi chặt chẽ, đúng chế độ.

- Nợ phải thu của khách hàng năm 2017 về trước là 10,027 tỷ đồng. Công ty đang tích cực, chủ động trong việc thanh toán, đối chiếu và đánh giá ước tính khả năng thu hồi của từng khoản nợ. Trong năm đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi là 1,173 tỷ đồng.

4. Tình hình thực hiện chế độ xã hội cho người lao động

Công ty đã thanh toán hết tiền lương, tiền thưởng năm 2020 cho người lao động và người quản lý doanh nghiệp, tổng thu nhập bình quân của người lao động là 9,323 triệu đồng/người/tháng.

Trong năm 2020 đã thực hiện nâng bậc lương cho 53 đồng chí; thực hiện thôi việc, phục viên, nghỉ hưu cho 14 đồng chí. Quân số thời điểm hiện nay là 144 đồng chí (trong đó: SQ = 19; QNCN = 69; LĐHĐ = 56).

Cấp mới và gia hạn thẻ BHYT= 393 (người lao động: 150, thân nhân quân nhân: 243). Trong đó mua tại BHXH TP Đà Nẵng là 57 thẻ cho người lao động là LĐHĐ.

Đơn vị đã ban hành quy chế trả lương trong Công ty cổ phần theo hình thức giao quyền tự chủ về khoản lương cho người lao động theo chức danh, năng lực và nghề nghiệp phụ trách.

Hàng quý, Hội đồng tiền lương luôn tiến hành rà soát quy chế trả lương hiện hành để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với cơ chế khoán và tình hình thực tế của đơn vị.

Công ty thực hiện trích nộp BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ kịp thời và đúng hạn 100% cho người lao động trong Công ty.

Thực hiện cấp phát đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động. Thường xuyên kiểm tra việc chấp hành các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông và phòng chống cháy nổ.

5. Kết quả thực hiện cơ cấu lại, cổ phần hóa, thoái vốn

Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đồng thời tổ chức rút kinh nghiệm sau ba năm hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần.

Đã phối hợp với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) thanh toán cổ tức sau thuế thu nhập cá nhân cho các cổ đông đến hết năm 2019.

Thực hiện sắp xếp doanh nghiệp, tổ chức biên chế tinh gọn. Thực hiện định biên quân số, tinh giản bộ máy gián tiếp cho phù hợp với mô hình Công ty cổ phần.

II. Báo cáo đánh giá công tác quản lý điều hành:

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Năm 2020 Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty.

- Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và chủ trương, định hướng phát triển của Công ty.

- Tổ chức họp thường kỳ và đột xuất để ban hành các nghị quyết, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền. Các cuộc họp được thực hiện nghiêm túc, trao đổi và thảo luận thẳng thắn; thông báo mời họp và tài liệu chuẩn bị cho cuộc họp đều được gửi trước cho các thành viên; nội dung họp đều có kết luận để ban hành nghị quyết, quyết định làm căn cứ triển khai thực hiện.

- Giám sát, chỉ đạo Ban giám đốc trong công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và tìm kiếm việc làm để đạt được những kết quả cao nhất cho Công ty.

- Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và có nội dung phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết đại hội đồng cổ đông và các quy định của pháp luật. Năm 2020 HĐQT

đã tiếp tục ban hành các quy chế nội bộ Công ty làm cơ sở trong công tác điều hành quản lý.

- Trong năm 2020, Ban kiểm soát không nhận được kiến nghị nào của cổ đông liên quan đến sai phạm của Hội đồng quản trị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

2. Hoạt động của Ban Giám đốc:

- Ban Giám đốc đã triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị theo đúng chức năng và thẩm quyền. Đồng thời thực hiện các kế hoạch trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư đề ra một cách cẩn trọng, kỹ lưỡng, song cũng linh hoạt để đáp ứng kịp thời yêu cầu công việc.

- Ban giám đốc đã thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; Đảm bảo tuân thủ pháp luật nhà nước, Điều lệ Công ty.

- Trong công tác chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư đã tổ chức quản lý, sử dụng và phát huy các nguồn lực về vốn, tài sản và nhân lực của Công ty đạt hiệu quả khá tốt; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước và các chế độ chính sách đối với Người lao động.

- Ban Giám đốc có những kiến nghị đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp nhằm thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của Công ty đồng thời xây dựng và hoàn thiện các cơ chế hoạt động cho Công ty cổ phần. Trong năm 2020 Ban Giám đốc đã tiếp tục rà soát và sắp xếp lại tổ chức biên chế theo hướng tinh gọn, tiếp tục ban hành các quy định nội bộ Công ty làm cơ sở trong công tác điều hành, quản lý.

- Trong năm 2020, Ban kiểm soát không nhận được kiến nghị nào của cổ đông liên quan đến sai phạm của Ban Giám đốc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

3. Mối quan hệ, sự phối hợp giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và cổ đông.

- Ban kiểm soát đã nhận được sự phối hợp chặt chẽ và tạo điều kiện của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các đơn vị trong Công ty để thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

- Ban kiểm soát được mời họp và tham gia ý kiến trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các cuộc họp giao ban hàng tuần, tháng, quý của Công ty. Được cung cấp thông tin đầy đủ các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; hồ sơ sổ sách theo yêu cầu.

- Đối với cổ đông: Ban Kiểm soát luôn sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ khi có yêu cầu hợp lý của cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

III. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020

Năm 2020, Ban kiểm soát đã tiến hành hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát cụ thể như sau:

1. Ban kiểm soát đã lên kế hoạch làm việc của Ban trong năm 2020.
2. Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị Công ty, các cuộc họp giao ban để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh và đầu tư từ đó đưa ra các kiến nghị với Công ty đúng theo chức năng, nhiệm vụ được giao.
3. Tổ chức họp định kỳ và đột xuất để phân công và triển khai nhiệm vụ bám sát theo các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và thảo luận đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty.

4. Ban kiểm soát kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đối với HĐQT. Theo dõi, giám sát việc triển khai thực hiện các nghị quyết trong các cuộc họp của HĐQT. Kiểm tra các Báo cáo tài chính hàng quý, sáu tháng và cả năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành. Đồng thời, phối hợp với các phòng chức năng kiểm tra thực tế các công trình cũng như các hợp đồng kinh tế, cách hạch toán ghi chép sổ sách và chứng từ kế toán ở các đơn vị các công trình.

5. Thực hiện phân tích và đưa ra đánh giá, đề xuất tình hình quản trị và hiệu quả hoạt động một số mảng trọng yếu như quản lý nhập xuất vật tư, nhiên liệu, thuê xe máy thiết bị. Khoán, quản nhân công thuê ngoài, kiểm tra hàng tồn kho, thanh toán, thu hồi công nợ của Công ty tới HĐQT, Ban Giám đốc nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác điều hành, quản trị Công ty cũng như bảo toàn và phát triển vốn.

6. Đã kiện toàn lại Ban kiểm soát, được ĐHCĐ thường niên năm 2020 chấp thuận miễn nhiệm thành viên BKS đối với ông Trần Đức Tú và bầu bổ sung thành viên BKS đối với ông Phạm Phú Đại.

7. Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát đã ban hành theo Quyết định số 452/QĐ-HĐQT ngày 26/7/2018. Để đảm bảo tuân thủ toàn diện theo quy định của Pháp luật hiện hành (theo đúng quy định tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính); Ban kiểm soát đã xây dựng dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

IV. Kế hoạch của Ban kiểm soát năm 2021:

Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ của Công ty và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, Ban kiểm soát xác định nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2021 như sau:

1. Giám sát việc chấp hành và tuân thủ pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các quyết định, quy chế, quy định nội bộ của Công ty.
2. Giám sát hoạt động quản lý điều hành Công ty của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.
3. Thẩm định báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng và cả năm của Công ty. Theo dõi và rà soát việc thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021.
4. Kiểm tra và giám sát việc quản lý và sử dụng vốn, tài sản; quy chế quản lý nợ và thu hồi công nợ; quản lý vốn góp và hiệu quả góp vốn; phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.
5. Kiểm tra và giám sát công tác tiền lương, thưởng và các vấn đề liên quan người lao động.
6. Rà soát văn bản, quy chế, quy định quản lý nội bộ...
7. Kiểm tra, rà soát việc thực hiện chức năng nhiệm vụ theo Điều lệ, Quy chế, Quy định nội bộ đối với các đơn vị trong Công ty.
8. Giám sát việc Công ty công bố thông tin theo quy định.

9. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát tại các đơn vị sản xuất trực thuộc Công ty nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và cảnh báo rủi ro.

V. Kiến nghị với Công ty:

- Công ty tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiệm thu, thanh toán, thu hồi công nợ, giảm giá trị dở dang và hàng tồn kho, nhất là các khoản nợ đã kéo dài (từ năm 2017 về trước): 10,027 tỷ đồng.

- Rà soát các hợp đồng với Chủ đầu tư tư nhân, chú ý các điều khoản ràng buộc, lường trước các rủi ro pháp lý, chậm nghiệm thu, thanh toán, rủi ro nợ xấu và rủi ro hợp đồng.

- Xây dựng giải pháp chiến lược, đồng bộ, lâu dài để tăng quy mô sản xuất của Công ty. Rà soát, điều chỉnh các quy chế, quy định cho phù hợp với quy chế mới của Binh đoàn.

- Tiết kiệm, quản lý chi phí công trình hiệu quả để đảm bảo có nguồn trích lập dự phòng phải thu khó đòi; dự phòng kiểm toán cắt giảm; dự phòng điều chỉnh giảm giá.

- Các cơ quan tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát chi phí ngay từ đầu công trình đối với các đơn vị thi công; kịp thời chấn chỉnh những thiếu sót khuyết điểm của cán bộ, nhân viên trong công tác chỉ huy, quản lý điều hành thi công tại công trường. Làm tốt công tác quyết toán nội bộ, theo dõi sát lũy kế chi phí vật tư, nhân công, ca máy, kịp thời phát hiện các chi phí bất hợp lý.

- Công ty cần bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 để xây dựng kế hoạch thực hiện tốt các chỉ tiêu đề ra. Chú trọng công tác tìm việc làm, đảm bảo đủ việc làm cho năm 2021 và các năm tiếp theo.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Trường Sơn 532 năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Phạm Văn Sơn

TỜ TRÌNH

Phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2020 và dự kiến tỷ lệ chia cổ tức năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Trường Sơn 532 báo cáo Đại hội phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2020 và dự kiến chia cổ tức năm 2021 như sau:

I. Phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2020:

- Lợi nhuận trước thuế năm 2020 : 2.019.832.000 đồng.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2020 : 1.651.275.000 đồng.
- Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (15%) : 247.691.268 đồng.
- Trích quỹ đầu tư phát triển (15%) : 247.691.268 đồng.
- Lợi nhuận sau thuế sau khi trích quỹ : 1.155.892.585 đồng.

Công ty cổ phần Trường Sơn 532 triển khai thực hiện nhiệm vụ năm 2020 gặp nhiều khó khăn như: ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, thời tiết thi công không thuận lợi, nhiều công trình triển khai thi công bị vướng công tác GPMB,... nên không đạt các chỉ tiêu kế hoạch năm đề ra; vì vậy HĐQT Công ty đề xuất chưa chi trả cổ tức năm 2020, mà sẽ gộp vào để chi trả cùng với cổ tức năm 2021.

II. Dự kiến lợi nhuận và cổ tức năm 2021:

1. Dự kiến lợi nhuận trước thuế : 5.000.000.000 đồng.
2. Dự kiến lợi nhuận sau thuế TNDN : 4.000.000.000 đồng.
3. Dự kiến chia cổ tức năm 2021: Tỷ lệ cổ tức dự kiến 10% trên vốn điều lệ.
Tương ứng với số tiền chi trả là : 3.851.880.000 đồng.

Trên đây là báo cáo phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2020 và dự kiến lợi nhuận và cổ tức năm 2021 kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Đại tá Đặng Văn Quân

TỜ TRÌNH

Quyết toán tiền lương, thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát, thư ký Công ty năm 2020 và dự kiến mức lương, thù lao năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần Trường Sơn 532 ngày 19/6/2020;

- Căn cứ kết quả SXKD và hoạt động của HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2020, Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Trường Sơn 532 báo cáo Đại hội quyết toán tiền lương, thù lao năm 2020 của HĐQT, Ban Kiểm soát và thư ký Công ty; dự kiến mức lương, thù lao năm 2021 như sau:

1. Quyết toán lương, thù lao HĐQT, BKS và thư ký Công ty năm 2020:

a. Tiền lương của thành viên chuyên trách HĐQT, BKS

- Chủ tịch HĐQT (chuyên trách, 1 người) : 244.673.000 đồng.

- Trưởng ban kiểm soát (chuyên trách, 1 người) : 140.524.000 đồng.

Tổng quyết toán lương : 385.197.000 đồng.

b. Thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát, thư ký HĐQT:

Các chỉ tiêu SXKD năm 2020 của Công ty chưa đạt Kế hoạch đề ra (đạt khoảng 80% so với kế hoạch năm) nên thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát và thư ký HĐQT được chi trả bằng 80% so với mức thù lao kế hoạch đã đề ra tại ĐHCĐ thường niên 2020.

Tổng mức thù lao năm 2020 là: 220.800.000 đồng.

2. Đề xuất mức lương, thù lao năm 2021:

TT	Nội dung	Lương (đồng)	Thù lao (đồng)	Tổng cộng (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT (chuyên trách, 1 người)	240.000.000	60.000.000	300.000.000
2	Thành viên HĐQT (kiêm nhiệm, 4 người)		144.000.000	144.000.000
3	Trưởng BKS (chuyên trách, 1 người)	168.000.000	24.000.000	192.000.000
4	Thành viên BKS (kiêm nhiệm, 2 người)		24.000.000	24.000.000
5	Thư ký Công ty kiêm người phụ trách quản trị Công ty (kiêm nhiệm, 1 người)		24.000.000	24.000.000
	Tổng cộng	408.000.000	276.000.000	684.000.000

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Đại tá Đặng Văn Quân

TỜ TRÌNH
Về việc lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần Trường Sơn 532 ngày 19/6/2020;

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Trường Sơn 532,

Để chuẩn bị cho việc lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty đã tìm hiểu 03 đơn vị như sau:

TT	Tên công ty Kiểm toán	Địa chỉ liên hệ
1	Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP Hồ Chí Minh AISC	Số 389A Điện Biên Phủ, phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
2	Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC	Số 01 Lê Phụng Hiểu, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
3	Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá AFA	Số 142 Xô Viết Nghệ Tĩnh, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Đây là những đơn vị kiểm toán tư vấn độc lập uy tín và nằm trong danh sách những Công ty kiểm toán đã được UBCK thông qua. Sau khi thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, HĐQT sẽ lựa chọn một trong ba đơn vị kiểm toán nêu trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



TỜ TRÌNH
Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động
Công ty cổ phần Trường Sơn 532

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán,

Điều lệ Công ty cổ phần Trường Sơn 532 đã được ban hành lần đầu ngày 28/12/2017. Tuy nhiên, nhằm sửa đổi - bổ sung Điều lệ cho phù hợp với các quy định hiện hành của Pháp luật; Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội xem xét việc sửa đổi - bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Trường Sơn 532 theo Điều lệ mẫu của Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính (đính kèm "Dự thảo" Điều lệ).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT



Đại tá Đặng Văn Quân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO



ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532

Đà Nẵng, ngày tháng 4 năm 2021

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Định nghĩa.....	4
CHƯƠNG II. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY.....	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh và văn phòng đại diện của Công ty	5
Điều 3. Ngành, nghề kinh doanh và mục tiêu hoạt động của Công ty	5
CHƯƠNG III. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	7
Điều 4. Vốn điều lệ.....	7
Điều 5. Cổ phần.....	7
Điều 6. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần	7
Điều 7. Sổ đăng ký cổ đông.....	8
Điều 8. Chào bán cổ phần.....	8
Điều 9. Phát hành trái phiếu	9
Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần, mua lại cổ phần	10
Điều 11. Thừa kế cổ phần.....	10
Điều 12. Thu hồi cổ phần	10
CHƯƠNG IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	11
Điều 13. Cơ cấu tổ chức quản lý	11
CHƯƠNG V. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	11
Điều 14. Quyền của cổ đông	11
Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông	13
Điều 16. Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 17. Tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo Đại hội cổ đông	16
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 24. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	23
CHƯƠNG VI. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	23
Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	23
Điều 27. Thành phần, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị	26
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị	27
Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	28
Điều 30. Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	30
Điều 31. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	30
Điều 32. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	31
Điều 33. Người phụ trách quản trị Công ty	31
CHƯƠNG VII. GIÁM ĐỐC CÔNG TY, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ CÁC NGHĨA VỤ CỦA CÁN BỘ QUẢN LÝ, CỔ ĐÔNG	32
Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý	32

Điều 35. Cán bộ quản lý	32
Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc	32
Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng	34
Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xong đột về quyền lợi	34
Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	35
Điều 40. Nghĩa vụ bảo mật thông tin, đảm bảo lợi ích chung và nghĩa vụ khác của Cổ đông và Cán bộ quản lý	36
Điều 41. Xử lý cổ phần của cổ đông vi phạm	37
CHƯƠNG VIII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO NỘI BỘ	37
Điều 42. Báo cáo định kỳ	37
Điều 43. Báo cáo đột xuất	37
Điều 44. Báo cáo tài chính	38
CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT	38
Điều 45. Ban kiểm soát	38
Điều 46. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	38
Điều 47. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	39
Điều 48. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên	40
Điều 49. Trách nhiệm của Kiểm soát viên	40
Điều 50. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	40
CHƯƠNG X. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	41
Điều 51. Công nhân viên và công đoàn	41
CHƯƠNG XI. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	41
Điều 52. Phân phối Lợi nhuận	41
Điều 53. Cổ tức	41
CHƯƠNG XII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	42
Điều 54. Tài khoản ngân hàng	42
Điều 55. Năm tài chính	42
Điều 56. Hệ thống kế toán	42
CHƯƠNG XIII. CON DẤU	43
Điều 57. Con dấu	43
CHƯƠNG XIV. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	43
Điều 58. Chấm dứt hoạt động	43
Điều 59. Thủ tục giải thể Công ty	43
Điều 60. Phá sản	44
CHƯƠNG XV. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	44
Điều 61. Giải quyết tranh chấp nội bộ	44
CHƯƠNG XVI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ, HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ	45
Điều 62. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	45
Điều 63. Ngày hiệu lực	45

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Trường Sơn 532 được xây dựng trên cơ sở Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XIV thông qua ngày 17/6/2020;
2. Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho việc tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Trường Sơn 532. Những nội dung không quy định trong Điều lệ sẽ áp dụng quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành để thực hiện.
3. Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 tổ chức vào ngày.../4/2021,

CHƯƠNG I.

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1.1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

- (a) “*Vốn điều lệ*” là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 4 của Điều lệ này.
 - (b) “*Công ty*” là Công ty cổ phần Trường Sơn 532.
 - (c) *Luật doanh nghiệp* là Luật số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020.
 - (d) *Luật Chứng khoán* là Luật số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019.
 - (e) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty cổ phần.
 - (a) *Cán bộ quản lý* là thành viên Hội đồng quản trị; Thành viên Ban Giám đốc; Thành viên Ban kiểm soát; Kế toán trưởng và các Trưởng phòng của Công ty.
 - (b) “*Người có liên quan*” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán.
 - (c) *Cổ tức* là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác.
 - (d) *Cổ phiếu* là chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hay một số cổ phần của Công ty.
 - (e) *Cổ phần được quyền chào bán* là tổng số cổ phần các loại mà Đại hội đồng cổ đông quyết định sẽ chào bán. Số cổ phần được quyền chào bán của Công ty tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp là tổng số cổ phần các loại mà Công ty sẽ bán, bao gồm cổ phần đã được đăng ký mua và cổ phần chưa được đăng ký mua.
- 1.2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

- 1.3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
- 1.4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.
- 1.5. Cụm từ “pháp luật” được hiểu là pháp luật của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam.

CHƯƠNG II. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh và văn phòng đại diện của Công ty

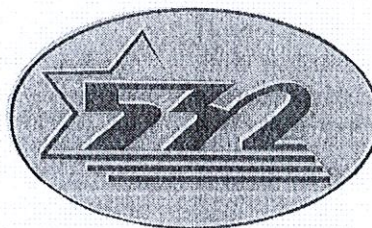
2.1. Tên Công ty:

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532.**
- Tên tiếng Anh: **TRUONG SON 532 JOINT STOCK COMPANY.**
- Tên viết tắt: **CÔNG TY 532.**

2.2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

2.3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ: Đường Phạm Như Xương nối dài, Phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.
- Điện thoại: (0236) 3731122/8733904/3842131.
- Fax: (0236) 3731100.
- Website: www.truongson532.com.vn
- Logo công ty:



2.4. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật.

2.5. Các đơn vị trực thuộc gồm Xí nghiệp và các Đội xây lắp.

2.6. Công ty có thể thành lập các chi nhánh, văn phòng đại diện tại các địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quy định tại Điều lệ này và trong phạm vi pháp luật không cấm.

Điều 3. Ngành, nghề kinh doanh và mục tiêu hoạt động của Công ty

3.1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Xây dựng nhà các loại;

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (bao gồm cả xây dựng cầu, đường, đường sắt, đường ngầm, đường băng máy bay, đường ống);
- Xây dựng công trình công ích (bao gồm cả xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (bao gồm cả các nhà máy lọc dầu, xây dựng đường thủy, bến cảng, các công trình trên sông, cửa cống, đập và đê, xây dựng đường hầm...);
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất cấu kiện kim loại;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

3.2. Mục tiêu hoạt động

Mục tiêu hoạt động của Công ty là không ngừng phát triển và mở rộng các hoạt động sản xuất kinh doanh, nhằm đem lại lợi nhuận cho các cổ đông của Công ty, bảo toàn và phát triển vốn; tối đa hóa giá trị doanh nghiệp, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động và thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

3.3. Phạm vi kinh doanh

- Công ty được phép tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.
- Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Công ty chịu trách nhiệm trong phạm vi số vốn Điều lệ của Công ty đối với mọi nghĩa vụ hoặc trách nhiệm pháp lý mà Công ty cam kết.
- Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

**CHƯƠNG III.
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN**

Điều 4. Vốn điều lệ và cơ cấu cổ phần phát hành

- 4.1. Vốn điều lệ của Công ty là: **38.518.800.000** đồng (*Ba mươi tám tỷ, năm trăm mười tám triệu, tám trăm nghìn đồng Việt Nam*).
- 4.2. *Cổ phần phát hành lần đầu* : 3.851.880 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng, trong đó :
 - 4.2.1. Số lượng cổ phần Tổng Công ty xây dựng Trường Sơn: 2.639.224 cổ phần, tương đương 68,52% vốn điều lệ;
 - 4.2.2. Cổ phần bán cho nhà đầu tư khác : 1.212.656 cổ phần, tương đương 31,48% vốn điều lệ.
- 4.3. Công ty có thể tăng Vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 4.4. Công ty thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 5030/QĐ-BQP ngày 27/11/2015 của Bộ Quốc phòng, Công ty không có cổ đông sáng lập.
- 4.5. Tại thời điểm thông qua điều lệ này, tất cả những hạn chế của cổ phần ưu đãi đều được bãi bỏ.

Điều 5. Cổ phần

- 5.1. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 3.851.880 cổ phần (*Bằng chữ: Ba triệu tám trăm năm mươi một ngàn tám trăm tám mươi cổ phần*) với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần.
- 5.2. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần (gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi) sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 5.3. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật và văn bản hướng dẫn liên quan.

Điều 6. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần

- 6.1. Cổ đông của Công ty được cấp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu để xác nhận quyền sở hữu đối với số cổ phần đó.
- 6.2. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần phải có dấu của Công ty và chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần phải ghi rõ số lượng và loại cổ phần mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định pháp luật.
- 6.3. Trường hợp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị huỷ hoại, người sở hữu cổ phần có thể yêu cầu được cấp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần mới. Đề nghị của cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:
 - (a) Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần thực sự đã bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị huỷ hoại; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm

ràng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu huỷ;

- (b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần mới;
- (c) Đối với số lượng cổ phần có tổng mệnh giá trên mười triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần mới, người đại diện theo pháp luật của công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc giấy chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp giấy chứng nhận mới.

Điều 7. Sổ đăng ký cổ đông

- 7.1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
- 7.2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
 - (b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - (c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - (d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
 - (e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
- 7.3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại đơn vị độc lập do Công ty thuê làm dịch vụ quản lý cổ đông. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
- 7.4. Trường hợp cổ đông có bất cứ thông tin thay đổi nào (Số, ngày cấp, nơi cấp của chứng minh thư nhân dân, địa chỉ liên lạc, điện thoại..vv...) thì phải thông báo kịp thời với Công ty hoặc đơn vị quản lý cổ đông của Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không nhận được thông tin thay đổi của cổ đông.

Điều 8. Chào bán cổ phần

- 8.1 Chào bán cổ phần là việc công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.

- 8.2 Công ty có thể chào bán cổ phần thực hiện theo các hình thức sau:
- (a) Chào bán cổ phần cho các cổ đông hiện hữu;
 - (b) Chào bán cổ phần ra công chúng;
 - (c) Chào bán cổ phần riêng lẻ;
- 8.3 Công ty thực hiện chào bán cổ phần theo quy định của pháp luật có liên quan đối với mỗi hình thức chào bán.
- 8.4 Trường hợp Công ty chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty thì thực hiện theo quy định sau đây:
- (a) Công ty thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của họ trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần.
 - (b) Thông báo phải có các thông tin bắt buộc theo quy định của pháp luật;
 - (c) Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác nhưng phải phù hợp với quy định của đợt phát hành và Quy chế giao dịch cổ phần của Công ty;
 - (d) Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về Công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
- 8.5 Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua theo quy định của pháp luật được ghi đúng, ghi đủ vào Sổ đăng ký cổ đông. Kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.

Điều 9. Phát hành trái phiếu

- 9.1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 9.2. Công ty không được quyền phát hành trái phiếu trong các trường hợp hạn chế theo quy định của pháp luật.
- 9.3. Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình quyết định của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.

Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần, mua lại cổ phần

- 10.1. Tất cả các cổ phần của Công ty đều được tự do chuyển nhượng trừ các trường hợp pháp luật có quy định khác.
- 10.2. Việc chuyển nhượng được thực hiện theo quy định tại Quy chế Giao dịch Cổ phần của Công ty hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
- 10.3. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty.
- 10.4. Phí chuyển nhượng cổ phần: cổ đông thực hiện chuyển nhượng cổ phần có trách nhiệm nộp phí chuyển nhượng cổ phần theo mức phí quy định của Công ty tại từng thời điểm.

Điều 11. Thừa kế cổ phần

- 11.1. Trong trường hợp khi có cổ đông cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó sẽ là cổ đông của Công ty.
Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự. Công ty không tham gia xử lý tranh chấp giữa những người thừa kế.
- 11.2. Trường hợp cổ đông là pháp nhân hoặc tổ chức khác thực hiện chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất, chia tách thì tổ chức/pháp nhân mới kế thừa hợp pháp quyền và nghĩa vụ của cổ đông cũ phải gửi cho Hội đồng quản trị của Công ty các văn bản pháp lý về việc chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất, chia tách hoặc kế thừa và văn bản cử người đại diện.
- 11.3. Người thừa kế hợp pháp phải thực hiện đầy đủ thủ tục đăng ký để trở thành cổ đông mới, được hưởng mọi quyền lợi và phải thực hiện mọi nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế.

Điều 12. Thu hồi cổ phần

- 12.1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cộng với khoản lãi theo lãi suất không quá 10%/năm tại thời điểm thanh toán trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.
- 12.2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới, địa điểm thanh toán và trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

- 12.3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, HĐQT có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn.
- 12.4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
- 12.5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ không còn tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 10% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của HĐQT kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán.
- 12.6. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
- 12.7. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG IV.

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 13. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- (a) Đại hội đồng cổ đông;
- (b) Hội đồng quản trị;
- (c) Ban kiểm soát;
- (d) Giám đốc;

CHƯƠNG V.

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 14. Quyền của cổ đông

- 14.1. Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
- 14.2. Cổ đông là người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
- (a) Tham gia và phát biểu trong các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc theo

hình thức khác do pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

- (b) Nhận cổ tức tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- (c) Chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế chuyển nhượng cổ phần của Công ty;
- (d) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
- (e) Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
- (f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- (g) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;
- (h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp theo quy định của pháp luật;
- (i) Các quyền khác theo quy định tại Điều lệ này và Luật doanh nghiệp.

14.3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% (Năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

- (a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 của Luật doanh nghiệp;
- (b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
- (c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên hệ, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ liên hệ, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

- (d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải lập thành văn bản và gửi đến Công ty chậm nhất 10 ngày làm việc, trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông kèm theo tài liệu chứng minh, chữ ký xác nhận và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
- (e) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và pháp luật.
- 14.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (Mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền đề cử vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thực hiện như sau:
- (a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho Hội đồng quản trị 20 (Hai mươi) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông và thông báo cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- (b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát cần bầu, cổ đông hoặc nhóm cổ đông qui định tại khoản này được quyền đề cử hoặc một số người theo quyết định của Hội đồng quản trị làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đề cử;
- (c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông khi thực hiện các quyền tại Điều này phải gửi yêu cầu bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trước 10 ngày làm việc. Yêu cầu bằng văn bản phải đầy đủ nội dung sau: Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, giấy tờ pháp lý của các nhân hoặc doanh nghiệp, số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề yêu cầu cụ thể, chữ ký xác nhận của cổ đông, nhóm cổ đông. Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện các yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông phù hợp với qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông

- 15.1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- 15.2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã cam kết mua theo quy định pháp luật áp dụng;
- 15.3. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty;
- 15.4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;

- 15.5. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
- 15.6. Khi chuyển nhượng cổ phần phải tuân thủ theo các thủ tục quy định tại Quy chế Giao dịch Cổ phần của Công ty, Điều lệ công ty và quy định của pháp luật.
- 15.7. Tham gia các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa.
- 15.8. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần. Tất cả các cổ đông đều phải đăng ký địa chỉ liên lạc của mình với Công ty và phải thông báo lại cho Công ty khi có sự thay đổi về địa chỉ liên lạc.
- 15.9. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
- a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
- 15.10. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Điều 16. Đại hội đồng cổ đông**
- 16.1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội cổ đông có thể họp bất thường, Địa điểm họp Đại hội cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải trên lãnh thổ Việt Nam.
- 16.2. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.
- 16.3. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
- (a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - (b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

- (c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- (d) Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản (ngoài sản phẩm kinh doanh) có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- (e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, trừ trường hợp:
 - (*) Điều chỉnh Vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ Công ty;
 - (*) Điều chỉnh các nội dung mà thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị;
- (f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- (g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- (h) Quyết định ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; mức lương, thù lao, các quyền lợi khác của thành viên Ban quản trị, Ban kiểm soát;
- (i) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- (j) Quyết định tổ chức lại (thay đổi cơ cấu tổ chức đã quy định tại Điều 13 của Điều lệ), giải thể Công ty;
- (k) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Luật doanh nghiệp.

Điều 17. Tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

- 17.1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự.
- 17.2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - (a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;
 - (b) Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;
 - (c) Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.
- 17.3. Phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - (a) Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - (b) Người uỷ quyền đã chấm dứt việc uỷ quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám (48) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo Đại hội đồng cổ đông

- 18.1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 18.4(b) hoặc Điều 18.4(c).
- 18.2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm, phương thức phù hợp (bao gồm cả phương thức trực tuyến). Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- (a) Báo cáo tài chính hằng năm;
 - (b) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị (nếu có), Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
 - (c) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
 - (d) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - (e) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền và do Hội đồng quản trị đề xuất.
- 18.3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
- (a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - (b) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
 - (c) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - (d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- 18.4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:
- (a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điều 18.3(b) hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điều 18.3 hoặc 18.3(c).
 - (b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 18.4 (a) thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.
 - (c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 18.4(b) thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ

đồng, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điều 18.3 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

- (d) Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại.

18.5. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

- (a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- (b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- (c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- (d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- (e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát;
- (f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- (g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp;
- (h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

18.6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày phải gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

18.7. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

19.1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

19.2. Trường hợp không có đủ số lượng cổ đông cần thiết để tiến hành cuộc họp theo quy định tại khoản 19.1 Điều này thì trong vòng sáu mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lần thứ hai trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông tham dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

19.3. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số lượng cổ đông cần thiết theo khoản 19.2 Điều này thì trong vòng sáu mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại

hội lần hai. Trong trường hợp này, Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỉ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

19.4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 143 của Luật doanh nghiệp.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

20.1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông.

20.2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của Ban kiểm phiếu không quá ba người.

20.3. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

20.4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp, và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp, hoặc người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông cử một hoặc nhiều thư ký để lập biên bản đại hội. Chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông phải được thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

20.5. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.

- 20.6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội trong trường hợp:
- (a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - (b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - (c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
 - (d) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội.

- 20.7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Điều 20.6, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; Tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
- 20.8. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- 20.9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

- 21.1 Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định về mọi vấn đề thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Nghị quyết được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản và bằng biểu quyết tại cuộc họp có giá trị như nhau.
- 21.2 Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự tán thành:
- (a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - (b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - (c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - (d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

(e) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

21.3 Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 21.2 và khoản 21.4 Điều này.

21.4 Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.

Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên còn lại của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử của Công ty.

21.5 Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 50% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

21.6 Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

22.1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp qui định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp;

22.2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến từng cổ đông theo địa chỉ mà cổ đông đã đăng ký với Công ty.

22.3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ, trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- Mục đích lấy ý kiến;
 - Họ, tên, địa chỉ, quốc tịch, số chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số chứng minh thư nhân dân, số Thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.
- 22.4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.
- 22.5. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;
- 22.6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
 - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.
 - Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - Các quyết định đã được thông qua;
 - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.
- 22.7. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
- 22.8. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu; việc gửi biên bản kiểm phiếu và

ngợi quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

- 22.9. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- 22.10. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- 23.1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản, có thể ghi âm hoặc lưu giữ dưới hình thức điện tử. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, phải đầy đủ nội dung sau: Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, chương trình và nội dung, họ tên chủ tọa và thư ký, tóm tắt diễn biến cuộc họp; ghi rõ phương thức biểu quyết, số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến và các nội dung khác trong chương trình ĐHĐCĐ.
- 23.2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo qui định tại khoản này. Biên bản ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
- 23.3. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc đại hội hoặc đăng tải trên trang điện tử của Công ty.
- 23.4. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp và văn bản uỷ quyền phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty và công bố thông tin theo qui định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 24. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- 24.1. Các nghị quyết của ĐHĐCĐ có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
- 24.2. Các nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

- 25.1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 điều luật 115 của luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
- (a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty trừ trường hợp quy định tại khoản 2 điều 148 của luật Doanh nghiệp.
 - (b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.
- 25.2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của ĐHCĐ theo quy định tại Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VI.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

- 26.1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
- 26.2. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
- (a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - (b) Xác định mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - (c) Giải quyết các khiếu nại của công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của công ty để giải quyết các vấn đề liên quan đến các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó.
 - (d) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - (e) Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - (f) Quyết định việc phát hành trái phiếu trừ trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước thì phải thông qua Đại hội đồng cổ đông;

- (g) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu và các loại chứng khoán khác (nếu có) của Công ty;
- (h) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định của pháp luật;
- (i) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- (j) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- (k) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- (l) Quyết định dự án đầu tư hoặc bán tài sản của Công ty có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- (m) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và Cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- (n) Báo cáo Đại hội cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm giám đốc điều hành;
- (o) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- (p) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- (q) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- (r) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- (s) Kiến nghị ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; mức lương, thù lao, và các quyền lợi khác đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát lên Đại hội đồng cổ đông;
- (t) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- (u) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;
- (v) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- 26.3. Các vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
- 26.4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
- 26.5. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.
- 26.6. Thành viên Hội đồng quản trị có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:
- Trực tiếp thực thi nhiệm vụ đã được Hội đồng quản trị phân công, không uỷ quyền cho người khác;
 - Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - Được quyền giám sát và yêu cầu các cán bộ, nhân viên trong Công ty cung cấp đầy đủ mọi tài liệu có liên quan đến hoạt động của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình;
 - Tham dự phiên họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những quyết định của mình;
 - Thực hiện Điều lệ của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị và các quy chế nội bộ của Công ty.
- 26.7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
- 26.8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty (nếu có) và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
- 26.9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những

công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

26.10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 27. Thành phần, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

27.1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của công ty từ ba (03) đến năm (05) người và có tối thiểu một thành viên độc lập, được Đại hội cổ đông bầu theo phương thức bầu dồn phiếu. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

27.2. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định Khoản 2, Điều 17 Luật doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.
- c) Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc và người quản lý khác của công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.
- d) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác phù hợp với các quy định của pháp luật

27.3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề xuất được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê chuẩn.

27.4. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị

28.1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm nhiệm chức vụ giám đốc công ty.

28.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- (a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- (b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- (c) Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
- (d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
- (e) Tiếp nhận báo cáo, xử lý các thông tin, tình huống trong thời gian Hội đồng quản trị không họp;
- (f) Theo dõi và đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội đồng quản trị trong các công việc được phân công và trách nhiệm quyền hạn của họ; báo cáo kết quả đánh giá này cho Đại hội đồng cổ đông;
- (g) Thay mặt Hội đồng quản trị chỉ đạo Giám đốc và/hoặc người quản lý khác trong điều hành hoạt động kinh doanh và các công việc khác của Công ty phù hợp với thẩm quyền và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- (h) Giám sát, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của Giám đốc, Phó giám đốc và các chức danh quản lý khác; báo cáo kết quả đánh giá này cho Hội đồng quản trị;
- (i) Yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc và/hoặc người quản lý khác báo cáo tình hình điều hành, hoạt động kinh doanh và các công việc khác của Công ty theo định kỳ và khi xét thấy cần thiết;
- (j) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- (k) Khi cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền bổ nhiệm trợ lý, cố vấn cao cấp để giúp mình thực hiện công việc thuộc thẩm quyền;
- (l) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

28.3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp vắng mặt, Chủ tịch có thể ủy quyền cho một trong các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Nếu chủ tịch không hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị có thể tạm thời bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số.

28.4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

- 29.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đó bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- 29.2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.
- 29.3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:
- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
 - b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;
- Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- 29.4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 29.3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị tổ chức cuộc họp có thể thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- 29.5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
- 29.6. Thông báo mời họp được gửi bằng buro điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty
- 29.7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

29.8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện ủy quyền và được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

29.9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- (a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- (b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp;
- (c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- (d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

29.10. Biểu quyết

(a) Trừ quy định tại điểm b khoản 29.10 Điều 29, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

(b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

(c) Theo quy định tại điểm d khoản 29.10 Điều 29, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị

là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

(d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 38.4 Điều 38 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

29.11. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

29.12. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

29.13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

Điều 30. Biên bản họp Hội đồng quản trị

30.1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật.

30.2. Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

30.3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Công ty.

Điều 31. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

31.1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, các Cán bộ quản lý khác trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

31.2. Giám đốc, Phó Giám đốc, các Cán bộ quản lý khác được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 32. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

32.1. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị và bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- (a) Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo điều 27 Điều lệ này và quy định của Luật doanh nghiệp;
- (b) Có đơn xin từ chức, miễn nhiệm;
- (c) Vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;
- (d) Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;
- (e) Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa.

32.2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

32.3. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị. Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 33. Người phụ trách quản trị Công ty

33.1. Hội đồng quản trị Công ty phải bầu bổ nhiệm 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm thư ký Công ty theo qui định tại khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp.

33.2. Người phụ trách quản trị Công ty không đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

33.3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- (a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo qui định và các công việc liên quan giữa Công ty và Cổ đông;
- (b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- (c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- (d) Tư vấn thủ tục lập các Nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với qui định của pháp luật;
- (e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

(f) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

(g) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan, bảo mật thông tin theo qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

**CHƯƠNG VII.
GIÁM ĐỐC CÔNG TY, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ CÁC NGHĨA VỤ CỦA CÁN BỘ
QUẢN LÝ, CỔ ĐÔNG**

Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Giám đốc, các Phó giám đốc, một Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.

Điều 35. Cán bộ quản lý

35.1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được bổ nhiệm, tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

35.2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác đối với Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và với những cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.

Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

36.1. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một (01) thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Giám đốc Công ty.

36.2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc Công ty:

(a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

(b) Tốt nghiệp đại học trở lên, có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh.

36.3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế

36.4. Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

(a) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

- (b) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của công ty theo điều lệ, quy chế, quy định của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị; Đối với các hợp đồng giao dịch cần có sự phê chuẩn, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội cổ đông như quy định tại Điều lệ này và quy định của Luật doanh nghiệp thì giám đốc chỉ được phép ký kết khi đã có nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.
- (c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty hàng năm được Hội đồng quản trị thông qua;
- (d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;
- (e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; Báo cáo Hội đồng quản trị việc bổ nhiệm; miễn nhiệm, bãi nhiệm này.
- (f) Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
- (g) Tuyển dụng lao động;
- (h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- (i) Chịu sự chỉ đạo, giám sát việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- (j) Báo cáo việc thu chi tài chính, tình hình hoạt động, sản xuất kinh doanh của Công ty cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị định kỳ 01 tháng/lần hoặc khi có yêu cầu;
- (k) Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm;
- (l) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của công ty;
- (m) Bảo đảm việc cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị;
- (n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

- 36.5. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.
- 36.6. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Giám đốc mới thay thế.

Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

- 38.1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
- 38.2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
- 38.3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận
- 38.4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
- a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một

cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

- b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
- c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.
Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

- 39.1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
- 39.2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
- a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

- b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
- 39.3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Điều 40. Nghĩa vụ bảo mật thông tin, đảm bảo lợi ích chung và nghĩa vụ khác của Cổ đông và Cán bộ quản lý

- 40.1. Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, các Cán bộ quản lý, các cán bộ quản lý cấp phó phòng của Công ty cam kết bảo mật nội dung các quy định tại Điều lệ này cũng như các thông tin, tài liệu liên quan đến bí mật kinh doanh, tình hình tài chính, thông tin quản trị nội bộ hoặc các thông tin, tài liệu mật khác có được trong quá trình công tác, thực thi quyền và nghĩa vụ tại Công ty;
- 40.2. Nghĩa vụ bảo mật nêu trên được áp dụng trong cả các tình huống có phát sinh bất đồng, tranh chấp (nếu có) giữa các Cổ đông của Công ty, giữa cổ đông Công ty với Công ty, các thành viên Hội đồng quản trị, các Cán bộ quản lý hoặc các cán bộ quản lý cấp phó phòng khác của Công ty;
- 40.3. Việc công bố các tài liệu, thông tin mật nêu trên sẽ chỉ được phép khi có quyết định bằng văn bản của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- 40.4. Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Cán bộ quản lý và các cán bộ quản lý cấp phó phòng và tương đương của Công ty vi phạm nghĩa vụ về bảo mật thông tin được quy định tại Điều này sẽ chịu trách nhiệm trước mọi thiệt hại của Công ty phát sinh từ hành vi vi phạm nghĩa vụ bảo mật;
- 40.5. Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Cán bộ quản lý và các cán bộ quản lý cấp phó phòng và tương đương của Công ty cam kết hành động vì lợi ích chung của Công ty, không thực hiện các hành vi, hoạt động mâu thuẫn với lợi ích Công ty hoặc gây phương hại đến lợi ích chung của Công ty, tập thể cán bộ công nhân viên và Cổ đông của Công ty;
- 40.6. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa quyền lợi của cá nhân và quyền lợi chung của Công ty, hành động vì quyền lợi chung của Công ty sẽ được ưu tiên và khuyến khích;
- 40.7. Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, các Cán bộ quản lý và các cán bộ quản lý cấp phó phòng khác của Công ty vi phạm nghĩa vụ được quy định tại Điều này sẽ chịu trách nhiệm trước mọi thiệt hại của Công ty phát sinh từ hành vi vi phạm;
- 40.8. Các Cán bộ quản lý có nghĩa vụ sau:

- (i) Tuân thủ điều kiện về hạn chế chuyển nhượng cổ phần do mình sở hữu (nếu có) theo đúng quy định tại Quy chế Giao dịch Cổ phần của Công ty;
- (ii) Các nghĩa vụ khác của Cán bộ quản lý được quy định theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 41. Xử lý cổ phần của cổ đông vi phạm

Trong trường hợp cổ đông vi phạm quy định về chuyển nhượng cổ phần, quy định về bảo mật, quy định về không gây phương hại tới lợi ích chung, bị tòa án kết án tù giam, hoặc các hành vi vi phạm nghiêm trọng khác theo quy định tại Điều lệ và pháp luật thì Hội đồng quản trị Công ty có quyền quyết định chỉ định Công ty mua lại toàn bộ cổ phần của Cổ đông để làm cổ phiếu quỹ (nếu Công ty đủ điều kiện) hoặc chỉ định một hoặc một số cổ đông Công ty là Cán bộ quản lý mua lại toàn bộ cổ phần của Cổ đông vi phạm. Giá mua lại cổ phần được xác định bởi một đơn vị định giá độc lập. Công ty sẽ giới thiệu ba (03) đơn vị định giá độc lập để Cổ đông vi phạm lựa chọn một đơn vị. Chi phí định giá do bên mua lại chịu.

CHƯƠNG VIII.

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO NỘI BỘ

Điều 42. Báo cáo định kỳ

- 42.1. Căn cứ vào tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh, Giám đốc Công ty có trách nhiệm tổng hợp báo cáo từ các phòng, ban, tổ, đội để báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị 01 tháng một lần vào tuần đầu của tháng liền kề, các báo cáo quý, năm theo quy định.
- 42.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị tổng hợp báo cáo của Giám đốc Công ty trình Hội đồng quản trị trong phiên họp gần nhất.
- 42.3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổng hợp báo cáo Đại hội đồng cổ đông các nội dung theo quy định của Điều lệ này và các quy định của pháp luật.

Điều 43. Báo cáo đột xuất

- 43.1. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác báo cáo tình hình hoạt động của Công ty hoặc các mảng công tác do người quản lý đó phụ trách.
- 43.2. Ngoài việc báo cáo định kỳ, trong thời gian Hội đồng quản trị không họp, Giám đốc Công ty có trách nhiệm báo cáo với Chủ tịch Hội đồng quản trị những vấn đề bất thường vượt quá khả năng điều hành, xử lý của Giám đốc hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến Công ty nếu không kịp thời khắc phục. Trong trường hợp không báo cáo dẫn đến gây thiệt hại cho Công ty thì Giám đốc Công ty phải chịu trách nhiệm.

Điều 44. Báo cáo tài chính

- 44.1. Kế toán trưởng có trách nhiệm báo cáo tình hình thu chi tài chính cho Giám đốc Công ty mỗi tháng một lần hoặc khi giám đốc công ty có yêu cầu đột xuất trong tháng.
- 44.2. Giám đốc Công ty có trách nhiệm tổng hợp báo cáo tình hình thu chi tài chính của Công ty để báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị mỗi tháng một lần hoặc khi Chủ tịch Hội đồng quản trị có yêu cầu đột xuất trong tháng.

**CHƯƠNG IX.
BAN KIỂM SOÁT**

Điều 45. Ban kiểm soát

- 45.1. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, Ban kiểm soát có 03 thành viên, Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là năm (05) năm. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 45.2. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
- 45.3. Trưởng Ban kiểm soát, kiểm soát viên phải có bằng tốt nghiệp Đại học một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyển ngành liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 45.4. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 46. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

- 46.1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- 46.2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- 46.3. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm, sáu tháng và báo cáo hàng quý của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.
- 46.4. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

- 46.5. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 13.3 của Điều lệ này.
- 46.6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 14.3 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.
Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 46.7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 46.8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- 46.9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
- 46.10. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- 46.11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
- 46.12. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
- 46.13. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 47. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

- 47.1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
- 47.2. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.

- 47.3. Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
- 47.4. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.
- 47.5. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 48. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên

- 48.1. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;
- 48.2. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

Điều 49. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

- 49.1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
- 49.2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.
- 49.3. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- 49.4. Trường hợp vi phạm quy định gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả cho công ty.
- 49.5. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 50. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

- 50.1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
- a) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;



- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- 50.2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định tại Điều lệ công ty và quy định của pháp luật;
 - c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG X. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 51. Công nhân viên và công đoàn

Giám đốc công ty phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XI. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 52. Phân phối Lợi nhuận

52.1. Trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông, Công ty phải trích lập các quỹ như sau:

- (a) Trích lập quỹ Đầu tư phát triển;
- (b) Quỹ Dự phòng tài chính;
- (c) Quỹ khen thưởng phúc lợi;

Mức trích lập các quỹ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo phương án sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty.

52.2. Trong trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định trích từ quỹ dự trữ để bù đắp hoặc chuyển các khoản lỗ sang năm tài chính tiếp theo.

Điều 53. Cổ tức

53.1. Cổ tức trả cho cổ đông được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; ngay sau khi

- trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
- 53.2. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc, chuyển khoản hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ liên hệ của cổ đông.
- 53.3. Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Công ty đã có đủ chi tiết về ngân hàng của cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của cổ đông thì Công ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.
- 53.4. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
- 53.5. Hội đồng quản trị có thể quyết định việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đó được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
- 53.6. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất mười lăm ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.

CHƯƠNG XII.

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 54. Tài khoản ngân hàng

- 54.1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
- 54.2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
- 54.3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 55. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm.

Điều 55. Hệ thống kế toán

- 56.1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.



56.2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

56.3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XIII.

CON DẤU

Điều 57. Con dấu

57.1. Công ty có con dấu riêng. Con dấu của Công ty được khắc theo quy định của pháp luật. Nội dung con dấu phải thể hiện thông tin: Tên Công ty và Mã số Công ty. Trước khi sử dụng, Công ty có nghĩa vụ thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

57.2. Công ty chỉ sử dụng một (01) con dấu chính thức. Con dấu của Công ty phải được lưu giữ và bảo quản tại trụ sở chính của Công ty.

57.3. Hội đồng quản trị, Giám đốc phải sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

57.4. Giám đốc (hoặc người được giao nhiệm vụ) chịu trách nhiệm quản lý con dấu của Công ty.

CHƯƠNG XIV.

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 58. Chấm dứt hoạt động

58.1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- (a) Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
- (b) Giải thể Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- (c) Công ty bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- (d) Các trường hợp khác do pháp luật quy định;

58.2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

Điều 59. Thủ tục giải thể Công ty

59.1. Thông qua quyết định giải thể Công ty.

59.2. Hội đồng quản trị trực tiếp tổ chức thanh lý tài sản của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định thành lập tổ chức thanh lý riêng.

59.3. Trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ ngày thông qua, quyết định giải thể phải được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh, tất cả các chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích liên quan, người lao động trong doanh nghiệp và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.

Trường hợp pháp luật có yêu cầu thì Công ty thực hiện việc thông báo về quyết định giải thể trên báo giấy hoặc báo điện tử theo quy định pháp luật.

Quyết định giải thể phải được gửi cho các chủ nợ kèm theo thông báo về phương án giải quyết nợ. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

59.4. Các khoản nợ của Công ty được thanh toán theo thứ tự sau đây:

- (a) Chi phí thanh lý tài sản;
- (b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thoả ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- (c) Nợ thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
- (d) Các khoản vay;
- (e) Các khoản nợ khác;
- (f) Sau khi đã thanh toán hết các khoản nợ và chi phí giải thể Công ty, phần còn lại sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

59.5. Trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của Công ty phải gửi hồ sơ giải thể Công ty đến cơ quan đăng ký kinh doanh.

59.6. Trường hợp doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trình tự và thủ tục giải thể được thực hiện theo quy định pháp luật.

Điều 60. Phá sản

Việc phá sản doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

CHƯƠNG XV.

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 61. Giải quyết tranh chấp nội bộ

61.1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ này, giữa:

- (a) Cổ đông với Công ty;
- (b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay Cán bộ quản lý.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào

cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

- 61.2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Toà án có thẩm quyền để giải quyết.
- 61.3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

CHƯƠNG XVI.

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ, HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ

Điều 62. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

- 62.1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
- 62.2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 63. Ngày hiệu lực

- 63.1. Bản điều lệ này gồm 16 Chương, 62 Điều được Đại hội cổ đông Công ty cổ phần Trường Sơn 532 nhất trí thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên ngày tháng năm 2021.
- 63.2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
- 63.3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty mới có giá trị.
- 63.4.. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày / /2021.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

CÔNG TY CP TRƯỜNG SƠN 532
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Số: 199/TTTr-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đà Nẵng, ngày 20 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần Trường Sơn 532

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Trường Sơn 532,

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Trường Sơn 532 đã được ban hành ngày 23/02/2018. Tuy nhiên, để sửa đổi - bổ sung Quy chế cho phù hợp với các quy định hiện hành của Pháp luật. Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội xem xét việc sửa đổi - bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Trường Sơn 532 theo Quy chế mẫu của Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính (đính kèm "Dự thảo" Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT



Đại tá Đặng Văn Quân

Đà Nẵng, ngày tháng 4 năm 2021

DỰ THẢO

**QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532**
(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-HĐQT ngày /5/2021
của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Trường Sơn 532)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XIV thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Trường Sơn 532 được Đại hội đồng cổ đông thông qua,

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Đối tượng điều chỉnh và phạm vi áp dụng

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Trường Sơn 532 được xây dựng trên cơ sở Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, quy định cụ thể về cơ cấu tổ chức, cơ chế hoạt động, quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, phương thức thực hiện chức năng nhiệm vụ quản trị của Công ty, mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị với Ban điều hành và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong và ngoài Công ty.

Quy chế này được áp dụng trong mọi hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT), các thành viên HĐQT và các cán bộ quản lý, nhân viên trong Công ty. Trường hợp có điều khoản, nội dung trong Quy chế này mâu thuẫn với Điều lệ Công ty thì các quy định của Điều lệ Công ty sẽ được ưu tiên áp dụng.

Trừ khi được định nghĩa khác, các thuật ngữ áp dụng trong Quy chế này cũng có nghĩa như được định nghĩa trong Điều lệ Công ty và/hoặc trong Luật Doanh nghiệp hiện hành.

**CHƯƠNG II
CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ,
QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 2. Cơ cấu tổ chức của HĐQT

HĐQT gồm có từ 03 đến 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, cơ cấu tổ chức hoạt động của HĐQT bao gồm:

1. Chủ tịch HĐQT;
2. Các thành viên HĐQT.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của HĐQT

HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định đa số.

Các thành viên HĐQT chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về tất cả các nghị quyết, quyết định của HĐQT trong hoạt động quản trị Công ty, ngoại trừ thành viên HĐQT không biểu quyết hoặc có ý kiến phản đối. Thành viên HĐQT không biểu quyết hoặc có ý kiến phản đối vẫn phải tuân thủ Nghị quyết HĐQT nhưng được quyền đề nghị HĐQT bảo lưu ý kiến của mình. Chủ tịch HĐQT là người thường trực thay mặt HĐQT giải quyết các vấn đề phát sinh hoặc ký các quyết định theo Nghị quyết của HĐQT giữa các kỳ họp HĐQT.

Điều 4. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT

1. Hội đồng quản trị thực hiện chứng năng chủ yếu sau đây:

- Quản trị Công ty theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế quản lý điều hành, Quy chế Tài chính và các Quy chế nội bộ khác của Công ty.
- Quản lý, kiểm tra giám sát chung đối với mọi hoạt động của Công ty.
- Tổ chức chỉ đạo triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Chỉ đạo để Giám đốc tổ chức điều hành, thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT:

HĐQT có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Xác định mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- c) Giải quyết các khiếu nại của công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của công ty để giải quyết các vấn đề liên quan đến các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó.
- d) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- e) Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- f) Quyết định việc phát hành trái phiếu trừ trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước thì phải thông qua Đại hội đồng cổ đông;
- g) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu và các loại chứng khoán khác (nếu có) của Công ty;
- h) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định của pháp luật;

- i) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - j) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - k) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - l) Quyết định dự án đầu tư hoặc bán tài sản của Công ty có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - m) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và Cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - n) Báo cáo Đại hội cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm giám đốc điều hành;
 - o) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - p) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - q) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - r) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
 - s) Kiến nghị ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; mức lương, thù lao, và các quyền lợi khác đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát lên Đại hội đồng cổ đông;
 - t) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - u) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;
 - v) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Các vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

- Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
- Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
- Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch HĐQT

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc (Tổng giám đốc).
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có những quyền hạn sau đây:
 - (a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - (b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - (c) Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
 - (d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
 - (e) Tiếp nhận báo cáo, xử lý các thông tin, tình huống trong thời gian Hội đồng quản trị không họp;
 - (f) Theo dõi và đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội đồng quản trị trong các công việc được phân công và trách nhiệm quyền hạn của họ; báo cáo kết quả đánh giá này cho Đại hội đồng cổ đông;
 - (g) Thay mặt Hội đồng quản trị chỉ đạo Giám đốc và/hoặc người quản lý khác trong điều hành hoạt động kinh doanh và các công việc khác của Công ty phù hợp với thẩm quyền và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - (h) Giám sát, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của Giám đốc, Phó giám đốc và các chức danh quản lý khác; báo cáo kết quả đánh giá này cho Hội đồng quản trị;
 - (i) Yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc và/hoặc người quản lý khác báo cáo tình hình điều hành, hoạt động kinh doanh và các công việc khác của Công ty theo định kỳ và khi xét thấy cần thiết;
 - (j) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

- (k) Khi cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền bổ nhiệm trợ lý, cố vấn cao cấp để giúp mình thực hiện công việc thuộc thẩm quyền;
 - (l) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp vắng mặt, Chủ tịch có thể ủy quyền cho một trong các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Nếu chủ tịch không hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị có thể tạm thời bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số.
 5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10 ngày).

Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên HĐQT

Thành viên Hội đồng quản trị có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:

1. Trực tiếp thực thi nhiệm vụ đã được Hội đồng quản trị phân công, không ủy quyền cho người khác thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình;
2. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty;
3. Được quyền giám sát và yêu cầu các cán bộ, nhân viên trong Công ty cung cấp đầy đủ mọi tài liệu có liên quan đến hoạt động của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình;
4. Tham dự phiên họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những quyết định của mình;
5. Thực hiện Điều lệ của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị và các quy chế nội bộ của Công ty.
6. Thực hiện điều lệ của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị và các quy chế nội bộ của Công ty.
7. Các thành viên HĐQT có quyền trực tiếp gặp gỡ, trao đổi và nhận thông tin, hồ sơ, tài liệu từ các cán bộ, nhân viên về các hoạt động của Công ty.

Điều 7. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các điều kiện để tổ chức các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- k) Chịu trách nhiệm về tính trung thực;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và [Điều lệ công ty].

Điều 8. Thư ký HĐQT

Hội đồng quản trị sẽ tuyển dụng hoặc chỉ định một người làm Thư ký Hội đồng quản trị để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch HĐQT thực hiện các công việc, nhiệm vụ thuộc thẩm quyền. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký hội đồng quản trị khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Chuẩn bị các điều kiện để tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
2. Lập biên bản dự thảo Nghị quyết các cuộc họp của HĐQT, dự thảo Nghị quyết các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông;
3. Chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác trong ghi chép nội dung và biên bản cuộc họp;
4. Lưu giữ biên bản, nghị quyết các cuộc họp của Hội đồng quản trị Đại hội đồng cổ đông;
5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị;
6. Được hưởng thù lao theo quyết định của Hội đồng quản trị;
7. Các quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp và các quy chế, quyết định của Công ty;
8. Thư ký Hội đồng quản trị có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quyết định của pháp luật.

Điều 9. Các cuộc họp định kỳ của HĐQT

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc

- bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đó bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.
 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
 - b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;
Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
 4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị tổ chức cuộc họp có thể thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
 5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
 6. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.
 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
 8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện ủy quyền và được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
 9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - (a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - (b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp;

- (c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- (d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
10. Biểu quyết
- (a) Trừ quy định tại điểm b khoản 10 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- (b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- (c) Theo quy định tại điểm d khoản 10 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
11. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
12. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.
13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

Điều 10: Các cuộc họp bất thường của HĐQT

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
 - a. Giám đốc ban điều hành;
 - b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Ban kiểm soát.
2. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 1 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị; thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 1 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị;
3. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty;
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thư thông báo mời họp chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên;
5. Nội dung phiên họp bất thường do Hội đồng quản trị quyết định hoặc do người đề nghị triệu tập phiên họp bất thường chuẩn bị, thông thường là để bàn và quyết định những vấn đề quan trọng và cấp bách nhất của Công ty.

Điều 11: Điều kiện tiến hành cuộc họp HĐQT

1. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác;
2. Thông báo mời họp được gửi bằng đường bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty;
3. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp, tính cả trường hợp thành viên Hội đồng quản trị ủy quyền cho một người khác trong Hội đồng quản trị tham dự và biểu quyết và được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ quy định thời hạn khác ngắn hơn.
4. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;

5. Các thành viên HĐQT có quyền bảo lưu ý kiến của mình và yêu cầu ý kiến bảo lưu đó được ghi trong biên bản cuộc họp của HĐQT, nhưng phải nghiêm chỉnh chấp hành các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT.

Điều 12: Thể thức biểu quyết trong các cuộc họp

1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
2. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết và có giá trị ngang nhau. Các quyết định của HĐQT được thông qua theo nguyên tắc đa số quá bán (1/2). Trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT;
3. Tùy trường hợp cụ thể, theo sự thống nhất của HĐQT, các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT có thể được biểu quyết thông qua dưới hình thức bỏ phiếu kín hoặc giơ tay biểu quyết ngay tại cuộc họp HĐQT.
4. Đối với những vấn đề quan trọng có liên quan đến nhân sự, tiền vốn, lợi ích của Công ty và nghĩa vụ của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc thì người chủ trì phiên họp HĐQT có thể tiến hành biểu quyết bằng phiếu kín;
5. Trường hợp biểu quyết, quyết định hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với thành viên HĐQT hoặc tổ chức, cá nhân có liên quan trực tiếp đến quyền lợi riêng của một thành viên HĐQT mà thuộc thẩm quyền của HĐQT thì thành viên HĐQT đó không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên HĐQT

1. Trong một số trường hợp khẩn cấp, thay vì triệu tập cuộc họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT có thể lấy ý kiến biểu quyết quyết định một hoặc một số vấn đề bằng Phiếu ý kiến của các thành viên. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm thực hiện việc chuyển các tài liệu có liên quan đến nội dung cần biểu quyết và mẫu Phiếu biểu quyết đến các thành viên.
 - (a) Trong mỗi phiếu biểu quyết phải ghi rõ nội dung cần biểu quyết, các căn cứ để quyết định, điều kiện biểu quyết hợp lệ, thời gian chậm nhất gửi phiếu biểu quyết và phần dành ý kiến khác của thành viên HĐQT;
 - (b) Phiếu biểu quyết có chữ ký của thành viên biểu quyết phải được gửi đến Chủ tịch HĐQT bằng thư bảo đảm. Bên cạnh đó, phiếu biểu quyết cũng có thể fax hay gửi qua thư điện tử đến Chủ tịch HĐQT; tuy nhiên, ngay sau đó phiếu biểu quyết có chữ ký phải được gửi đến Chủ tịch HĐQT; tuy nhiên,

ngay sau đó phiếu biểu quyết có chữ ký phải được gửi đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất 03 ngày.

2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Kết quả biểu quyết bằng Phiếu ý kiến có giá trị như các quyết định trong một cuộc họp bình thường của HĐQT và kết quả kiểm phiếu trong trường hợp này cũng phải được ghi vào sổ biên bản của HĐQT.
3. Thành viên HĐQT không được ủy quyền biểu quyết trong hình thức biểu quyết này.
4. Chủ tịch HĐQT và Thư ký phải lập biên bản kiểm phiếu biểu quyết trong vòng 01 (một) ngày làm việc kể từ khi kết thúc thời gian nhận phiếu biểu quyết. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết phải được gửi cho tất cả thành viên HĐQT.

Điều 14. Biên bản cuộc họp

1. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - (b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - (c) Thời gian, địa điểm họp;
 - (d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - (e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - (f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - (g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - (h) Các vấn đề đã được thông qua;
 - (i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa, người ghi biên bản và tất cả thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp. Trường hợp thành viên trực tiếp dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do; nếu không ghi lý do thì biểu quyết của thành viên đó đối với nội dung tại cuộc họp coi như không có giá trị;
 - (j) Chủ tọa và Thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
2. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 15. Nghị quyết của HĐQT

1. HĐQT sẽ ban hành nghị quyết, quyết định đối với mỗi vấn đề quan trọng đã được thảo luận và quyết nghị tại HĐQT.
2. Căn cứ nội dung biên bản họp. Thư ký phối hợp các bộ phận liên quan soạn thảo nghị quyết, quyết định của HĐQT để ký, ban hành theo đúng thể thức văn bản.

Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được ký, ban hành trong thời hạn không chậm hơn 05 ngày làm việc kể từ khi kết thúc cuộc họp HĐQT.

3. Căn cứ Biên bản cuộc họp và Nghị quyết của HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ thay mặt HĐQT ký vào các văn bản ban hành Quyết định, Quy định và các văn bản khác thuộc thẩm quyền của HĐQT để thực hiện trong toàn Công ty. Các văn bản này phải được sao gửi cho từng thành viên HĐQT, Giám đốc và Ban kiểm soát để theo dõi, giám sát và thực hiện.
4. Các tài liệu liên quan đến phiên họp gồm: Biên bản, Nghị quyết, Quyết định và các tài liệu liên quan khác được lưu giữ tại Thư ký Công ty và Văn thư Công ty theo chế độ bảo mật của Công ty.

Điều 16. Thù lao và chi phí hoạt động của các thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT và mức thù lao mỗi ngày. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên. HĐQT quy định mức thù lao cụ thể cho từng thành viên HĐQT tại một văn bản cụ thể căn cứ trên tổng mức thù lao đã được ĐHĐCĐ thông qua.
2. Thù lao của thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo HHCĐ tại cuộc họp thường niên.
3. Giám đốc Công ty có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện và phương tiện làm việc cần thiết cho hoạt động của HĐQT và bộ phận giúp việc của HĐQT.

CHƯƠNG III MỐI QUAN HỆ GIỮA HĐQT VỚI GIÁM ĐỐC CÔNG TY VÀ CÁC BỘ PHẬN LIÊN QUAN

Điều 17. Quan hệ làm việc giữa HĐQT với Ban Giám đốc

1. HĐQT tạo điều kiện cho Giám đốc về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị và thiết lập hành lang pháp lý nội bộ, giúp bộ máy điều hành hoàn thiện nhiệm vụ được giao.
2. HĐQT có thể tham dự các cuộc họp giao ban hàng tháng hoặc các cuộc họp khác của Ban điều hành công ty.
3. HĐQT sử dụng các cơ quan chức năng Công ty hoặc các cán bộ, nhân viên của Công ty giúp cho công tác của HĐQT.
4. HĐQT phân công Chủ tịch HĐQT chỉ đạo, giám sát thường xuyên công tác điều hành của Giám đốc. Giám đốc thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của HĐQT.
5. Đối với nội dung, vấn đề HĐQT trình Đại hội cổ đông quyết định: HĐQT có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Giám đốc, các phòng ban chuyên môn Công ty chuẩn bị các nội dung cần thiết để Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT trình ĐHĐCĐ Công ty xem xét quyết định. Các nội dung nêu trên phải được gửi cho HĐQT ít nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Đối với nội dung, vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT: Giám đốc có trách nhiệm lập tờ trình gửi Chủ tịch HĐQT về các nội dung trình HĐQT và Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định. Kèm theo tờ trình là các văn bản, tài liệu có liên quan đến nội dung cần trình; phải gửi cho HĐQT chậm nhất là 05 (năm) ngày làm việc trước ngày họp HĐQT. Trong quá trình xem xét quyết định các nội dung mà Giám đốc trình, HĐQT có quyền yêu cầu Giám đốc bổ sung các tài liệu có liên quan và làm rõ các nội dung mà Giám đốc trình trước khi HĐQT ra quyết định.
Tất cả các tài liệu do Giám đốc trình và gửi HĐQT phải là văn bản chính thức, có ký tên, đóng dấu, nêu rõ ý kiến tham mưu, đề xuất để HĐQT có cơ sở xem xét, giải quyết.
7. Đối với các nội dung, vấn đề thuộc thẩm quyền của Giám đốc: Giám đốc được trực tiếp quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình đã được quy định trong Điều lệ Công ty và tại Quy chế này. Sau khi quyết định, Giám đốc có trách nhiệm báo cáo cho HĐQT.
8. Khi Giám đốc ra quyết định hay ký bất kỳ văn bản nào trái quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, các quy định nội bộ khác của Công ty và làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty thì Chủ tịch HĐQT có quyền yêu cầu Giám đốc hủy bỏ văn bản đó. Nếu Giám đốc không chấp hành thì Chủ tịch HĐQT có quyền ra văn bản đình chỉ thi hành quyết định của Giám đốc và thông báo tới tất cả thành viên HĐQT và Ban điều hành.
9. Khi Giám đốc có hành vi vi phạm pháp luật và gây thiệt hại cho Công ty thì Chủ tịch HĐQT phải tiến hành các thủ tục pháp lý cần thiết để xử lý hành vi vi phạm và yêu cầu bồi thường thiệt hại.
10. Chủ tịch HĐQT và Giám đốc phải trao đổi công việc với nhau thường xuyên ít nhất 1 lần/tuần.
11. Giám đốc có quyền đề nghị Chủ tịch HĐQT triệu tập cuộc họp bất thường HĐQT để xem xét, quyết định các vấn đề phát sinh trong công tác điều hành vượt quá thẩm quyền của Giám đốc.
12. Giám đốc là người tổ chức triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
13. Giám đốc được quyền không thực hiện và kiến nghị điều chỉnh những quyết định trái pháp luật, trái với quy định của Điều lệ công ty. Nếu Hội đồng quản trị không có ý kiến trả lời bằng văn bản trong thời hạn 07 (bảy) ngày thì tùy theo yêu cầu về thời gian, tính chất của vụ việc cụ thể, Giám đốc đề nghị chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp bất thường của Đại hội đồng cổ đông để xử lý hoặc báo cáo với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
14. Phân cấp quyền hạn giữa HĐQT và Giám đốc công ty:
Đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT, HĐQT có thể ủy quyền cho Giám đốc quyết định bằng văn bản đối với từng trường hợp cụ thể:
 - (a). Trong lĩnh vực điều hành hoạt động của Công ty:
 - Hội đồng quản trị: Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty; Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; Quyết định giải pháp khắc phục các biến động lớn về phương án sản xuất kinh doanh và/hoặc đầu tư của Công ty.

- Giám đốc công ty: Chịu trách nhiệm tổ chức nghiên cứu, xây dựng các kế hoạch kinh doanh và kế hoạch khác thuộc thẩm quyền của Giám đốc và trình HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua; Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty phù hợp với chủ trương, Nghị quyết của HĐQT, ĐHĐCĐ; Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

(b). Trong lĩnh vực huy động vốn:

- Hội đồng quản trị: Phê duyệt việc vay vốn ngân hàng và/hoặc các tổ chức tài chính và/hoặc cá nhân để phục vụ hoạt động kinh doanh và đầu tư của công ty.

- Giám đốc Công ty: Đề xuất việc vay vốn ngân hàng và/hoặc các tổ chức tài chính và/hoặc cá nhân để phục vụ hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty.

(c). Trong lĩnh vực đầu tư

- Hội đồng quản trị: Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị đến dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của Công ty. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật, Quyết định về việc xây dựng và sử dụng thương hiệu; các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.

- Giám đốc công ty: Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản sau khi có chủ trương hoặc có ủy quyền của Chủ tịch HĐQT (đối với lĩnh vực đầu tư và bán tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT). Đề xuất và trình phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật; Đề xuất, trình việc xây dựng và sử dụng thương hiệu; các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.

(d). Trong lĩnh vực phê duyệt Hợp đồng

- Hội đồng quản trị: Quyết định các hợp đồng kinh doanh, thương mại, thi công công trình và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

- Giám đốc công ty: Quyết định các hợp đồng kinh doanh, thương mại, đấu thầu, thi công công trình, mua bán vật tư và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty hoặc có giá trị khác sau khi có chủ trương hoặc ủy quyền của HĐQT.

(e). Trong lĩnh vực tổ chức – nhân sự:

- Hội đồng quản trị:

+ Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, phó Giám đốc và Kế toán trưởng; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.

- + Thông qua việc bổ nhiệm chỉ huy các cơ quan Công ty, các đơn vị trực thuộc Công ty.
- + Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- + Đề xuất mức thù lao của thành viên HĐQT; Quyết định tiền lương của Giám đốc Công ty và các chức danh quản lý khác trong Công ty.
- Giám đốc công ty:
- + Kiến nghị số lượng, nhân sự cán bộ quản lý để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện tốt các hoạt động quản lý công ty, tư vấn để HĐQT quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của cán bộ quản lý;
- + Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh chỉ huy các cơ quan Công ty, các đơn vị trực thuộc Công ty sau khi có sự đồng ý của HĐQT.
- + Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
- + Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc.
- + Tuyển dụng lao động: Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ.

15. Chế độ báo cáo của Giám đốc công ty với HĐQT

(a) Báo cáo định kỳ

- Căn cứ vào tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh, Giám đốc Công ty có trách nhiệm tổng hợp báo cáo từ các phòng, ban, tổ, đội để báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị 01 tháng một lần vào tuần đầu của tháng liền kề, các báo cáo quý, năm theo quy định.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị tổng hợp báo cáo của Giám đốc Công ty trình Hội đồng quản trị trong phiên họp gần nhất.
- Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổng hợp báo cáo Đại hội đồng cổ đông các nội dung theo quy định của Điều lệ này và các quy định của pháp luật.

(b) Báo cáo đột xuất

- Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác báo cáo tình hình hoạt động của Công ty hoặc các mảng công tác do người quản lý đó phụ trách.
- Ngoài việc báo cáo định kỳ, trong thời gian Hội đồng quản trị không họp, Giám đốc Công ty có trách nhiệm báo cáo với Chủ tịch Hội đồng quản trị những vấn đề bất thường vượt quá khả năng điều hành, xử lý của Giám đốc hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến Công ty nếu không kịp thời khắc phục. Trong trường hợp không báo cáo dẫn đến gây thiệt hại cho Công ty thì Giám đốc Công ty phải chịu trách nhiệm.

(c) Báo cáo tài chính

- Kế toán trưởng có trách nhiệm báo cáo tình hình thu chi tài chính cho Giám đốc Công ty mỗi tháng một lần hoặc khi giám đốc công ty có yêu cầu đột xuất trong tháng.

- Giám đốc Công ty có trách nhiệm tổng hợp báo cáo tình hình thu chi tài chính của Công ty để báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị mỗi tháng một lần hoặc khi Chủ tịch Hội đồng quản trị có yêu cầu đột xuất trong tháng.
- (Có phục lục phân cấp quyền hạn giữa ĐHĐCĐ, HĐQT và Giám đốc kèm theo)**

Điều 18. Quan hệ làm việc với Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của Công ty. Tại các phiên họp này, HĐQT phải tiếp thu và ghi nhận các ý kiến đóng góp, đề xuất và kiến nghị của Ban kiểm soát.
2. HĐQT phải tạo điều kiện để Ban kiểm soát của Công ty phát huy tác dụng của công tác kiểm tra, kiểm soát thường xuyên và đột xuất.
3. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp các đợt kiểm tra của Ban kiểm soát, HĐQT phải nghiên cứu để có kế hoạch củng cố, chấn chỉnh và cần có biện pháp xử lý đối với các đơn vị và cá nhân liên quan và khắc phục các vi phạm sau kiểm tra, kiểm soát của Ban kiểm soát theo quy định của Công ty.

Điều 19. Quan hệ làm việc với cổ đông

1. HĐQT và các thành viên HĐQT cần thiết lập, duy trì và giữ vững mối quan hệ thường xuyên tốt đẹp đối với cổ đông của Công ty, thể hiện qua việc công bố các Báo cáo tài chính định kỳ của Công ty, bằng việc cung cấp thường xuyên những thông tin có thể cung cấp và đặc biệt là bằng việc đảm bảo hiệu quả hoạt động hàng năm của Công ty.
2. HĐQT cần đảm bảo tính minh bạch trong quản lý điều hành mọi mặt hoạt động của Công ty, tính gương mẫu trong việc thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ Công ty và trân trọng đối với cổ đông của Công ty.
3. Chủ tịch HĐQT và HĐQT cần xử lý kịp thời và minh bạch các kiến nghị của cổ đông, cần giải thích rõ ràng và kiên định về các chất vấn của cổ đông và tham gia giải quyết nhanh chóng các khiếu nại, kiến nghị của cổ đông (nếu có).

Điều 20. Quan hệ với tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên

HĐQT phối hợp và tạo điều kiện để tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn TN thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và điều lệ của tổ chức này tại Công ty;

1. **Đối với tổ chức Đảng:** Thực hiện theo quy định về hoạt động của tổ chức Đảng trong Công ty cổ phần và các quy định của Đảng ủy QSTU.
2. **Đối với tổ chức Công đoàn:**
 - (a). HĐQT cần tạo điều kiện để Ban chấp hành Công đoàn cơ sở, công đoàn bộ phận có điều kiện làm tốt chức năng giáo dục, tập hợp, lãnh đạo quần chúng Công đoàn viên.
 - (b) HĐQT giao cho Giám đốc ký thỏa ước lao động với Ban chấp hành Công đoàn, có cơ chế để đại diện Ban chấp hành Công đoàn cơ sở và bộ phận tham gia Hội đồng thi đua khen thưởng hàng năm, tham gia giám sát việc sử

dụng hợp lý Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế hàng năm của Công ty.

(c) HĐQT tạo điều kiện và cơ hội để lắng nghe tiếng nói của Ban chấp hành Công đoàn cơ sở, đại diện cho ý chí và nguyện vọng chính đáng của đông đảo đoàn viên Công đoàn và người lao động đang làm việc tại Công ty.

3. Đối với tổ chức Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ:

HĐQT cần tạo điều kiện để Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ có điều kiện làm tốt chức năng giáo dục, tập hợp, thi đua, tổ chức các hoạt động, phong trào sôi nổi, thiết thực gắn liền với các hoạt động của đơn vị; đồng thời thực hiện tốt chức năng lãnh đạo đoàn viên, hội viên, phát triển đoàn viên ưu tú, góp phần xây dựng lực lượng đoàn viên, hội viên Công ty vững mạnh, năng động, sáng tạo.

CHƯƠNG IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Vi phạm và xử lý các vi phạm Quy chế

1. HĐQT, Ban điều hành và các đơn vị, các nhân có liên quan trong phạm vi nội bộ Công ty có trách nhiệm tuân thủ nghiêm các quy định trong Quy chế này.
2. Đơn vị hoặc cá nhân nào vi phạm các quy định trong Quy chế này, tùy theo mức độ và tính chất vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định hiện hành của Công ty.

Điều 22. Thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quy chế

HĐQT là cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quy chế, căn cứ kiến nghị của các thành viên HĐQT, Giám đốc, Ban kiểm soát và khi pháp luật có những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến những nội dung quy định trong Quy chế.

Điều 23. Hiệu lực thi hành Quy chế

1. Quy chế này gồm 4 Chương và 23 Điều, có hiệu lực kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 15 tháng 5 năm 2021.
2. Các thành viên HĐQT, Ban điều hành và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

STT	Đại hội đồng cổ đông	Hội đồng quản trị	Giám đốc
I	Trong lĩnh vực điều hành hoạt động của Công ty		
1	Thông qua kế hoạch phát triển dài hạn và ngắn hạn của Công ty.	Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.	Chịu trách nhiệm tổ chức nghiên cứu, xây dựng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch khác thuộc thẩm quyền của Giám đốc và trình HĐQT; ĐHĐCĐ thông qua. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua.
2		Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong việc điều hành công việc kinh doanh hàng năm của Công ty.	Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.
3		Quyết định giải pháp khắc phục các biến động lớn về phương án sản xuất kinh doanh và/hoặc đầu tư của Công ty.	Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty.
II	Trong lĩnh vực huy động vốn		
1	Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành với mỗi loại cổ phần.	Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.	
2	Quyết định mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành.	Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng.	
3		Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty.	
4		Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.	
5			Tổ chức thực hiện việc quản lý, cấp sổ chứng nhận cổ đông, các giao dịch chuyển nhượng cổ phần, quản lý thực hiện các quyền khác của cổ đông theo quy định của Điều lệ và pháp luật. Lập báo cáo về quản lý cổ đông trình HĐQT định kỳ 6 tháng một lần hoặc theo yêu cầu đột xuất của HĐQT.

6	Quyết định mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức này không cao hơn mức mà HĐQT đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại ĐHĐCĐ.	Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.	Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.
7		Phê duyệt việc vay vốn ngân hàng và/hoặc các tổ chức tài chính và/hoặc cá nhân để phục vụ hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty.	Đề xuất việc vay vốn ngân hàng và/hoặc các tổ chức tài chính và/hoặc các nhân để phục vụ hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty.
III Trong lĩnh vực đầu tư			
1	Quyết định các dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi nhận trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty.	Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị đến dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi nhận trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty.	Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản khi có chủ trương hoặc có ủy quyền của Chủ tịch HĐQT (đối với lĩnh vực đầu tư và bán tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT).
2	Quyết định việc góp vốn thành lập doanh nghiệp, góp vốn vào doanh nghiệp, mua cổ phần có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi nhận trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty.	Quyết định việc góp vốn thành lập doanh nghiệp, góp vốn vào doanh nghiệp, mua cổ phần có giá trị đến dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi nhận trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty.	
3	Quyết định các hợp đồng và giao dịch với những người được quy định Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty.	Quyết định các hợp đồng và giao dịch với những người được quy định Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty.	
4		Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật.	Đề xuất phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật.

5		Quyết định về việc xây dựng và sử dụng thương hiệu; các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.	Đề xuất và trình việc xây dựng và sử dụng thương hiệu; các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.
IV Trong lĩnh vực phê duyệt Hợp đồng			
1		Quyết định các hợp đồng kinh doanh, thương mại, thi công công trình và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty.	Quyết định các hợp đồng kinh doanh, thương mại, thi công công trình và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty hoặc có giá trị khác sau khi có chủ trương hoặc ủy quyền của HĐQT.
V Trong lĩnh vực tổ chức nhân sự			
1	Quyết định chia, tách, hợp nhất, sát nhập hoặc chuyển đổi Công ty.	Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty.	
2	Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT và Ban kiểm soát và báo cáo việc HĐQT bổ nhiệm Giám đốc điều hành; Quyết định số lượng thành viên của HĐQT và Ban kiểm soát.	Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, phó Giám đốc và kế toán trưởng; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia hội đồng thành viên, HĐQT hoặc ĐHĐCĐ ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó. Thông qua việc bổ nhiệm các chức danh chỉ huy Công ty, chỉ huy các đơn vị trực thuộc Công ty.	Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của HĐQT, và tư vấn đề HĐQT đề xuất mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh là chỉ huy các cơ quan Công ty, đơn vị trực thuộc Công ty sau khi có phê duyệt của HĐQT.
3		Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.	Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4	Quyết định tiền thù lao của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và	Đề xuất mức thù lao của thành viên HĐQT; Quyết định tiền lương của Giám	Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công

	Báo cáo tiền thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát.	độc Công ty.	ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc.
5			Tuyển dụng lao động.
6			Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ.
VI Chịu trách nhiệm báo cáo			
1	Thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán; Báo cáo của HĐQT; Báo cáo của Ban kiểm soát.	Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông.	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất, báo cáo tài chính: Thực hiện theo Điều 42, 43, 44 Điều lệ Công ty. - Trước ngày 31/12 hàng năm, Giám đốc điều hành phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm.
2			Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và các quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

CÔNG TY CP TRƯỜNG SƠN 532
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Số: 200 /TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đà Nẵng, ngày 20 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị
Công ty cổ phần Trường Sơn 532

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Trường Sơn 532,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Trường Sơn 532 trân trọng kính trình Đại hội xem xét việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo Quy chế mẫu của Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính (đính kèm "dự thảo" Quy chế).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT



DỰ THẢO

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532**

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh:

1.1 Quy chế này quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

1.2. Trong trường hợp có những quy định của Điều lệ Công ty và văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và tất cả các tập thể, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ:

1. Công ty: là viết tắt của Công ty Cổ phần Trường Sơn 532.
2. Điều lệ Công ty: là viết tắt của Điều lệ Công ty cổ phần Trường Sơn 532.
3. Phòng chức năng: là cơ quan chức năng, chuyên môn trực thuộc và là bộ máy giúp việc cho Ban giám đốc (BGĐ) Công ty;
4. Đơn vị trực thuộc gồm: Xí nghiệp, Đội sản xuất, Ban chỉ huy công trình trực thuộc Công ty.
5. Luật Doanh nghiệp: là Luật Doanh nghiệp Việt Nam đang có hiệu lực thi hành.
6. Hội đồng quản trị: là Hội đồng quản trị của Công ty (HĐQT).
7. Đại hội đồng cổ đông: là Đại hội đồng cổ đông của Công ty (ĐHĐCĐ).
8. Ban kiểm soát: là Ban kiểm soát Công ty (BKS).

Chương II

CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 3. Đại hội đồng cổ đông:

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - k) Quyết định ngân sách hoạt động hoặc tổng mức thù lao, tiền lương, các quyền lợi khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Trình tự, thủ tục triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 4. Hội đồng quản trị:

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Các nội dung quy định về đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, tiền lương và thù lao của thành viên Hội đồng quản trị; Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị; Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 5. Ban Kiểm soát:

1. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra; Ban kiểm soát là cơ quan kiểm tra, kiểm soát hoạt động quản lý - điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát do luật pháp, Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ công ty quy định. Cụ thể, Ban kiểm soát có những quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm sau:

a) Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

c) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

d) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

đ) Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

e) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

f) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

- g) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- h) Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
- i) Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
- j) Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
- k) Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
- l) Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
- m) Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
- n) Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- o) Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
- p) Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
- q) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
- s) Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
- t) Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.
- u) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- v) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- w) Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- x) Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm



việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

y) Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.

z) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Các nội dung về nhiệm kỳ, cơ cấu, số lượng và tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát: được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 6. Quy định chung đối với Ban điều hành:

1. Cơ cấu, số lượng và tiêu chuẩn thành viên Ban điều hành:

Ban điều hành gồm: Giám đốc, các Phó giám đốc và Kế toán trưởng; số lượng thành viên Ban điều hành do HĐQT quyết định và bổ nhiệm, miễn nhiệm. Tiêu chuẩn thành viên Ban điều hành thực hiện theo Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật có liên quan đến tiêu chuẩn Kế toán trưởng.

2. Thay đổi thành viên Ban điều hành:

2.1. Miễn nhiệm tư cách thành viên Ban điều hành: thành viên Ban điều hành bị miễn nhiệm khi không đáp ứng được các điều kiện tiêu chuẩn thành viên Ban điều hành; không hoàn thành và đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ theo Nghị quyết của HĐQT do năng lực và lỗi chủ quan của bản thân.

2.2. Từ chức thành viên Ban điều hành: thành viên Ban điều hành muốn từ chức phải có đơn gửi HĐQT, trong thời hạn 45 ngày từ lúc nhận đơn HĐQT xem xét quyết định.

3. Ban điều hành làm việc theo chế độ người đứng đầu. Giám đốc là người đứng đầu, toàn quyền quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình. Thành viên Ban điều hành là người giúp việc cho Giám đốc, thực hiện nhiệm vụ theo phân công hoặc ủy quyền của Giám đốc.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Giám đốc Công ty:

Quyền và nghĩa vụ của Giám đốc Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và được bổ sung cụ thể một số điểm sau:

1. Giám đốc là người chịu trách nhiệm cao nhất trong việc tổ chức điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, được quyền sử dụng bộ máy giúp việc và các nguồn lực của Công ty để tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định và nhiệm vụ do HĐQT giao hoặc ủy quyền thực hiện, bảo đảm hiệu quả, phù hợp với Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

2. Khi thấy nghị quyết, quyết định của HĐQT trái với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Giám đốc có trách nhiệm báo cáo với HĐQT để thay đổi nội dung nghị quyết, quyết định, nếu HĐQT không thay đổi, Giám đốc có quyền từ chối thực hiện. Khi từ chối thực hiện trong các trường hợp trên, Giám đốc có trách nhiệm thông báo nội dung này với BKS.

3. Xây dựng kế hoạch, phương án SXKD hàng năm, kế hoạch trung hạn, dài hạn và dự án đầu tư trình HĐQT phê duyệt; phê duyệt phương án SXKD (không

bao gồm các dự án đầu tư theo quy định thuộc thẩm quyền của HĐQT) và Kế hoạch SXKD hàng năm của các đơn vị.

4. Ban hành nội quy, quy định trong Công ty sau khi được HĐQT thông qua; Ban hành các quy trình làm việc, phê duyệt nội quy, quy định của đơn vị trực thuộc.

5. Triển khai các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.

6. Kiến nghị HĐQT về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương, thưởng của các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT; Giám sát đánh giá đối với các chức danh quản lý do Giám đốc bổ nhiệm.

7. Khi có trường hợp khẩn cấp xảy ra (thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố, tai nạn, ...) Giám đốc có quyền áp dụng các biện pháp vượt quá thẩm quyền của mình để khắc phục và xử lý các tình huống khẩn cấp, nhưng Giám đốc phải chịu trách nhiệm về các quyết định đó, đồng thời phải báo cáo HĐQT trong vòng 3 (ba) ngày kể từ khi ra quyết định.

8. Ủy quyền của Giám đốc công ty: trong trường hợp cần thiết Giám đốc có thể ủy quyền cho người khác thay mặt mình thực hiện quyền quản lý điều hành hoặc giải quyết một công việc nhất định. Trường hợp ủy quyền dài ngày (quá 30 ngày) thì phải thực hiện ủy quyền toàn bộ công việc và thẩm quyền điều hành Công ty của Giám đốc cho người khác, trường hợp này Giám đốc phải có văn bản báo cáo HĐQT, khi HĐQT chấp thuận mới được thực hiện. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Phó giám đốc Công ty:

1. Giúp việc cho Giám đốc trong việc chỉ đạo điều hành hoạt động của Công ty. Chịu trách nhiệm chỉ đạo trực tiếp các cơ quan, đơn vị, công trình đã được phân công phụ trách, là người thay mặt cho Giám đốc công ty có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị về các lĩnh vực chuyên môn mà mình phụ trách; Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty về kết quả hoạt động. Trường hợp phải giải quyết những vấn đề trong sản xuất - kinh doanh vượt quá lĩnh vực và quyền hạn về chuyên môn của mình, Phó giám đốc Công ty chủ động phối hợp, bàn bạc với Phó giám đốc phụ trách lĩnh vực có liên quan để tìm biện pháp giải quyết. Trường hợp có ý kiến khác nhau thì Giám đốc Công ty là người quyết định cuối cùng.

2. Thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ chuyên trách, thường xuyên hoặc đột xuất do Giám đốc phân công hoặc ủy quyền, bảo đảm đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Chỉ đạo, giám sát, kiểm tra các đơn vị, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Giám đốc và kế hoạch công tác.

4. Báo cáo Giám đốc kịp thời kết quả và những phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Kế toán trưởng công ty:

1. Kế toán trưởng là người đứng đầu bộ máy Kế toán của Công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật, HĐQT và Giám đốc Công ty trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình theo Luật kế toán và các quy định của pháp luật có liên quan.



2. Là người chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu về hoạt động tài chính của Công ty.

3. Kế toán trưởng có nhiệm vụ:

3.1. Tổ chức điều hành bộ máy kế toán và thực hiện công tác kế toán trong Công ty theo quy định của pháp luật, cụ thể là:

- Thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán theo đối tượng và nội dung công việc theo chuẩn mực chế độ kế toán.

- Kiểm tra, giám sát các khoản thu, chi tài chính, các nghĩa vụ thu, nộp ngân sách nhà nước, thanh toán nợ; kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản; phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán.

- Phân tích thông tin, số liệu; tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và tài chính của Công ty.

- Cung cấp thông tin, số liệu kế toán theo quy định của pháp luật.

3.2. Giám sát tài chính tại Công ty.

3.3. Lập báo cáo tài chính định kỳ.

3.4. Thực hiện nhiệm vụ Trưởng phòng tài chính - kế toán Công ty và các nhiệm vụ khác theo sự phân công của HĐQT và Giám đốc Công ty.

4. Kế toán trưởng có quyền hạn:

4.1. Quyền độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán.

4.2. Có quyền yêu cầu các bộ phận liên quan trong Công ty cung cấp đầy đủ, kịp thời tài liệu liên quan đến công việc kế toán và giám sát tài chính.

4.3. Được quyền bảo lưu ý kiến chuyên môn bằng văn bản khi có ý kiến khác nhau với ý kiến của người ra quyết định.

4.4. Có quyền báo cáo bằng văn bản cho người đại diện theo pháp luật của Công ty khi phát hiện các vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán trong đơn vị; trường hợp vẫn phải chấp hành quyết định thì báo cáo lên HĐQT hoặc BKS để xem xét quyết định.

Chương III

PHÒNG CHỨC NĂNG VÀ BỘ PHẬN GIÚP VIỆC KHÁC

Điều 10. Phòng chức năng của Công ty:

1. Chức năng, nhiệm vụ của các phòng do Giám đốc Công ty quy định; là bộ phận tham mưu, giúp việc cho Ban giám đốc.

2. Cơ cấu, số lượng các phòng chức năng của Công ty do HĐQT quyết định.

3. Trưởng phòng chịu trách nhiệm trước BGD về các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của phòng. Phó trưởng phòng là người giúp việc và chịu sự phân công, chỉ đạo của Trưởng phòng. Trưởng phòng trực tiếp hoặc phân công cho Phó trưởng phòng chỉ đạo, điều hành nhân viên trong Phòng.

Điều 11. Các bộ phận giúp việc khác:

1. Các bộ phận giúp việc được thành lập trong quá trình hoạt động của Công ty nhằm tư vấn hoặc giải quyết một số vấn đề cụ thể trong khoảng thời gian nhất

định. Các bộ phận giúp việc điển hình trong Công ty gồm: Hội đồng tiền lương, Hội đồng giao khoán, Hội đồng kiểm kê, Hội đồng đầu tư - mua sắm - thanh lý tài sản, Ban chỉ đạo công tác nghiệm thu - thanh quyết toán và thu hồi công nợ, Ban tổ chức, Ban chỉ đạo của các sự kiện, ...

2. Tùy theo yêu cầu nhiệm vụ mà HĐQT hoặc Giám đốc quyết định thành lập. Người ký quyết định thành lập là người điều hành, chỉ đạo đối với bộ phận do mình thành lập. Yêu cầu nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các Bộ phận giúp việc này và người đứng đầu của các bộ phận này được quy định trong quyết định thành lập.

3. Thành viên của các bộ phận giúp việc làm việc theo chế độ kiêm nhiệm; Các bộ phận này tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ được giao, hoặc giải thể và chấm dứt hoạt động theo quyết định của người thành lập.

Chương IV

ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC CÔNG TY

Điều 12. Xí nghiệp, Đội sản xuất, Ban chỉ huy công trình:

1. Xí nghiệp, Đội sản xuất (Đội), Ban chỉ huy công trình (BCHCT) do HĐQT quyết định thành lập để thực hiện nhiệm vụ SXKD của Công ty. Cơ cấu tổ chức của Xí nghiệp, Đội, BCHCT được quy định trong quyết định thành lập và được điều chỉnh bổ sung trong quá trình hoạt động. Giám đốc xí nghiệp, Đội trưởng, Trưởng ban CHCT là người chịu trách nhiệm cao nhất trước Giám đốc Công ty, HĐQT và pháp luật.

2. Quyền và nghĩa vụ của Xí nghiệp, Đội, Ban CHCT:

2.1. Chủ động tổ chức thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh bảo đảm hiệu quả, đúng quy định của pháp luật, điều lệ và quy chế, quy định của Công ty.

2.2. Được Công ty giao quản lý một số tài sản để phục vụ hoạt động SXKD.

2.3. Được chủ động tìm kiếm phát triển thị trường việc làm, nhưng phải bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển thị trường, việc làm chung của toàn Công ty trong từng giai đoạn.

2.4. Đề xuất Công ty kiện toàn tổ chức bộ máy, bổ nhiệm, tuyển dụng, thanh lý hợp đồng lao động.

2.5. Thực hiện chế độ hạch toán trực tiếp tại Công ty.

2.6. Chịu sự chỉ đạo, quản lý, kiểm tra, giám sát về mọi mặt của Công ty.

Chương V

MỐI QUAN HỆ LÀM VIỆC TRONG CÔNG TY

Điều 13. Mối quan hệ giữa HĐQT và BKS :

1. Mối quan hệ giữa HĐQT và BKS là mối quan hệ phối hợp thực hiện kiểm tra kiểm soát việc chấp hành pháp luật Nhà nước, điều lệ, quy chế, quy định về hoạt động SXKD của Công ty.

2. HĐQT, các thành viên HĐQT, Ban giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác của Công ty phải cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của BKS, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác. BKS không được tiết lộ bí mật của Công ty, phải chịu trách

nhiệm cá nhân về việc sử dụng các thông tin bí mật của Công ty. Việc yêu cầu cung cấp thông tin cho BKS và sử dụng thông tin không được gây ảnh hưởng đến hoạt động quản lý và điều hành của Công ty.

3. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi có yêu cầu bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần xin ý kiến của đa số thành viên BKS. Chương trình, nội dung và dự kiến các vấn đề quyết nghị tại cuộc họp HĐQT phải được gửi đến các thành viên BKS cùng thời gian gửi đến các thành viên HĐQT. Thành viên BKS có trách nhiệm tham dự các cuộc họp của HĐQT, thảo luận và đóng góp ý kiến đối với các vấn đề được đưa ra và thông qua tại cuộc họp.

4. Trưởng BKS phải triệu tập họp BKS, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi có yêu cầu bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần xin ý kiến của Chủ tịch HĐQT hoặc ít nhất 02 thành viên HĐQT.

5. BKS thường xuyên phối hợp với HĐQT, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình các báo cáo, kết quả và kiến nghị lên ĐHĐCĐ; kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty, giúp HĐQT trình ĐHĐCĐ trong kỳ họp gần nhất.

6. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của BKS, HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện việc chấn chỉnh kịp thời.

Điều 14. Quan hệ làm việc giữa HĐQT với Ban điều hành, các Phòng và bộ phận giúp việc trong Công ty:

1. HĐQT và các thành viên HĐQT không can thiệp trực tiếp vào hoạt động hàng ngày và công tác thuộc thẩm quyền của Ban điều hành trừ khi xét thấy cần thiết.

2. Khi cần thiết, HĐQT sử dụng các phòng chức năng, bộ phận giúp việc trong Công ty giúp cho công tác của HĐQT; tham gia các cuộc họp giao ban và các cuộc họp khác của Công ty.

3. Đối với các nội dung, vấn đề HĐQT trình ĐHĐCĐ quyết định: HĐQT có quyền yêu cầu thành viên HĐQT; Giám đốc công ty; các Phòng chức năng và bộ phận giúp việc chuẩn bị các nội dung cần thiết để Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT trình ĐHĐCĐ.

4. Đối với các nội dung, vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT: Giám đốc phải lập tờ trình gửi HĐQT về các nội dung cần giải quyết (kèm theo các tài liệu văn bản có liên quan). Hội đồng quản trị sẽ xem xét quyết định bằng Nghị quyết hoặc quyết định làm cơ sở cho Giám đốc công ty tổ chức thực hiện.

Điều 15. Quan hệ làm việc giữa Ban Kiểm soát với Ban điều hành và các phòng, đơn vị trực thuộc trong Công ty:

1. Quan hệ với Giám đốc Công ty:

- Giám đốc chịu sự kiểm tra, giám sát của BKS đối với việc thực hiện nhiệm vụ của mình. Các báo cáo Giám đốc gửi tới HĐQT thì đồng thời gửi cho BKS.

- Phải thông báo mời BKS tham dự các cuộc họp giao ban, hội nghị chuyên đề, hội nghị sơ kết, tổng kết của Công ty.



- Giám đốc chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu và những phương tiện phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát theo yêu cầu của BKS.

- Giám đốc có trách nhiệm thực hiện những kiến nghị của BKS hoặc báo cáo với HĐQT những điểm không thống nhất với các kiến nghị và thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của HĐQT đồng thời thông báo cho BKS những ý kiến chỉ đạo này.

- Thông báo ngay cho BKS khi phát hiện những yếu kém, tồn tại, các sai phạm, rủi ro, thất thoát lớn về tài sản hoặc khi có những thay đổi trong hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại đơn vị mình, hoặc là các thông tin, các quyết định, kế hoạch sản xuất kinh doanh tác động ngay hoặc nhạy cảm đến tâm lý các cổ đông.

2. Quan hệ với các phòng chức năng, đơn vị trực thuộc trong Công ty:

- Người đứng đầu các phòng, đơn vị trực thuộc được kiểm tra phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước HĐQT về tính đầy đủ, trung thực, hợp lý của các thông tin, tài liệu cung cấp cho BKS, đoàn kiểm tra.

- Các phòng, đơn vị trực thuộc của Công ty phải cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát theo yêu cầu của BKS.

Điều 16. Quan hệ làm việc giữa Phòng chức năng với các Đơn vị trực thuộc trong Công ty:

1. Là quan hệ hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được phân công.

2. Phòng chức năng là cơ quan được Ban giám đốc công ty uỷ quyền kiểm tra, đôn đốc các đơn vị trực thuộc thực hiện các nhiệm vụ được Công ty giao.

3. Trường hợp có ý kiến khác nhau giữa Trưởng phòng chức năng Công ty và Trưởng các đơn vị trực thuộc thì Trưởng phòng có trách nhiệm báo cáo Giám đốc hoặc Phó giám đốc phụ trách (theo nội dung công việc và phân công của Giám đốc đối với vấn đề đang giải quyết) để thống nhất phương án giải quyết.

4. Các phòng chức năng của Công ty có trách nhiệm phối hợp, nghiên cứu, đề xuất biện pháp giải quyết công việc theo chức năng, nhiệm vụ giúp Ban giám đốc Công ty.

Điều 17. Quan hệ làm việc giữa các Phòng chức năng Công ty:

1. Là quan hệ phối hợp, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được phân công để cùng thực hiện nhiệm vụ chung. Trường hợp Giám đốc giao cho một Phòng chức năng làm chủ trì để phối hợp với các Phòng chức năng khác tổ chức thực hiện một nhiệm vụ nhất định, thì Phòng chủ trì có quyền yêu cầu các Phòng chức năng khác phối hợp phải thực hiện các nhiệm vụ có liên quan trong vấn đề đang thực hiện. Phòng được giao phối hợp có trách nhiệm phối hợp và thực hiện các yêu cầu của Phòng chủ trì đối với vấn đề đang thực hiện.

2. Trường hợp các phòng không có sự thống nhất trong việc phối hợp thực hiện nhiệm vụ thì phải báo cáo Giám đốc/Phó giám đốc phụ trách để thống nhất giải quyết.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung Quy chế:

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền sửa đổi bổ sung quy chế này.

2. Khi có những thay đổi của Pháp luật, Điều lệ công ty, Ban giám đốc có trách nhiệm nghiên cứu đề xuất Hội đồng quản trị sửa đổi Quy chế cho phù hợp và trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu thấy có những điểm vướng mắc không phù hợp thì các tổ chức, cá nhân trong Công ty có trách nhiệm phát hiện và phản ánh, kiến nghị, đề xuất sửa đổi bổ sung cho phù hợp. Mọi ý kiến kiến nghị, đề xuất sửa đổi, bổ sung quy chế này phải được gửi bằng văn bản về Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm nghiên cứu và đề xuất sửa đổi, bổ sung nếu thấy cần thiết và phù hợp.

Điều 19. Tổ chức thực hiện Quy chế:

1. HĐQT, BKS, BGD, các Phòng chức năng, Đơn vị trực thuộc và toàn thể người lao động trong Công ty có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Ban giám đốc, Trưởng các phòng chức năng và Trưởng các đơn vị trực thuộc căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Quy chế này và triển khai xây dựng quy định nội bộ, quy trình làm việc của đơn vị mình nhưng không trái với các quy định của Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Những vấn đề liên quan đến tổ chức quản lý, điều hành SXKD trong Công ty của HĐQT nếu chưa được quy định trong Quy chế này thì áp dụng các quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty và các Quy chế quản lý nội bộ khác.

Điều 20. Hiệu lực thi hành:

Quy chế này gồm 6 (sáu) chương, 20 (hai mươi) điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

TỜ TRÌNH
Về việc sửa đổi Quy chế tổ chức và hoạt động
của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Trường Sơn 532

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Trường Sơn 532,

Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Trường Sơn 532 đã ban hành theo Quyết định số 452/QĐ-HĐQT ngày 26/7/2018. Để đảm bảo tuân thủ toàn diện theo quy định của Pháp luật (theo đúng quy định tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính); Ban kiểm soát Công ty trân trọng kính trình Đại hội xem xét việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty (đính kèm "dự thảo" Quy chế).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TRƯỜNG SƠN
532
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Phạm Văn Sơn

Đà Nẵng, ngày tháng 4 năm 2021

DỰ THẢO

QUY CHẾ
Tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát
Công ty cổ phần Trường Sơn 532

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát - Công ty cổ phần Trường Sơn 532 (sau đây gọi tắt là Công ty) bao gồm các quy định về cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng cho Ban kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát và tất cả các tập thể, cá nhân có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Chương II
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách



nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có ba (03) thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên hiện đang công tác tại khối cơ quan Công ty.

4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

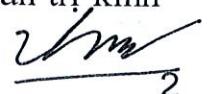
e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát Công ty không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý Công ty và Tổng Công ty; người đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng Công ty và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh



doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
- d) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

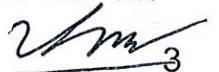
b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao



nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cần trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.



Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

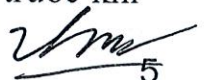
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.



12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.

26. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;



b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

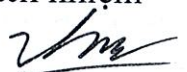
Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.



Chương V BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

6. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.

7. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương theo lương chức danh của Công ty và thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó (nếu có);



b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ (nếu có).

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 19. Khen thưởng đối với Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thông qua việc thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát giúp Công ty hạn chế được các rủi ro và phát triển ổn định, kinh doanh có hiệu quả là cơ sở để HĐQT xem xét, khen thưởng cho tập thể hoặc thành viên Ban kiểm soát.

2. Hình thức và mức khen thưởng đối với tập thể hoặc thành viên Ban kiểm soát do HĐQT quyết định phù hợp với quy định và Điều lệ Công ty.

Chương VI MỐI QUAN HỆ LÀM VIỆC CỦA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Điều 20. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 21. Mối quan hệ với Ban giám đốc

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban Giám đốc Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban Giám đốc.

Điều 22. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát.



Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung Quy chế.

Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản trong quy chế này do Ban kiểm soát đề xuất trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn và được HĐQT Công ty ký ban hành.

Trong trường hợp những quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật đó đương nhiên được áp dụng.

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Trường Sơn 532 bao gồm bảy (07) chương, hai mươi bốn (24) điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty, các đơn vị, cá nhân có liên quan trong Công ty có trách nhiệm thực hiện quy chế này./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Phạm Văn Sơn



TỜ TRÌNH

V/v thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT
Công ty cổ phần Trường Sơn 532 nhiệm kỳ 2018-2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Trường Sơn 532;

Căn cứ Quyết nghị của Thường vụ Đảng ủy Binh đoàn, Biên bản họp và Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Trường Sơn 532,

Hội đồng quản trị Công ty kính trình ĐHĐCĐ thông qua Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2023 của Công ty cổ phần Trường Sơn 532, cụ thể như sau:

1. Miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2018-2023 đối với ông Đặng Văn Quân theo Đơn từ nhiệm của cá nhân ngày 16/4/2021.
2. Đề nghị bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2018-2023.
3. Đề cử ông Nguyễn Văn Toàn, sinh ngày 06/02/1975, CMND số 231161117 do Công an tỉnh Gia Lai cấp ngày 12/6/2019 bầu bổ sung là Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Trường Sơn 532 nhiệm kỳ 2018-2023.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét, chấp thuận.

Trân trọng./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đại tá Đặng Văn Quân

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Trường Sơn 532;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Trường Sơn 532 ngày 15/5/2021;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020:

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	Năm 2020	Tỷ lệ % HT/KH
1	Vốn điều lệ	triệu đồng	38.518,00	
2	Giá trị sản xuất	triệu đồng	169.642,90	80,8%
3	Giá trị nghiệm thu (ĐVHT)	triệu đồng	177.434,69	77,1%
4	Giá trị doanh thu	triệu đồng	161.445,26	77,2%
5	Giá trị thanh toán	triệu đồng	159.269,02	70,8%
6	Các khoản thu nộp NSNN, TCT	triệu đồng	10.300,31	57,7%
7	Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	2.019,83	41,1%
8	Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	1.651,28	42,0%
9	Tỷ suất sinh lời/Doanh thu	%	1,3	53,3%
10	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	1,0	54,4%

2

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	Năm 2020	Tỷ lệ % HT/KH
11	Tổng số lao động bình quân	Người	146	100,7%
12	Thu nhập bình quân	đ/ng/th	9.323.594	103,6%
13	Giá trị việc làm	triệu đồng	302.491,65	86,4%
14	Đầu tư XDCB + thiết bị	triệu đồng	2.306,68	18,8%
	<i>Trong đó : - XDCB</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>0</i>	
	<i>- Thiết bị</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>2.306,68</i>	

Điều 2. Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	Năm 2021
1	Giá trị sản xuất	triệu đồng	300.000
2	Giá trị nghiệm thu (ĐVHT)	triệu đồng	315.000
3	Giá trị doanh thu	triệu đồng	286.364
4	Giá trị thanh toán	triệu đồng	320.000
5	Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	5.000
6	Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	4.000
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	(%)	10,4
8	Tỷ lệ cổ tức	(%)	10,0
9	Thu nhập bình quân	đ/ng/th	9.500.000
10	Giá trị việc làm	triệu đồng	300.000
11	Đầu tư xây dựng cơ bản+ thiết bị	triệu đồng	25.800
-	<i>Trong đó: Xây dựng cơ bản</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>3.000</i>
-	<i>Xe máy, thiết bị</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>22.800</i>

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, Báo cáo giám sát của Ban Kiểm soát Công ty.

Điều 4. Thông qua Tờ trình v/v quyết toán lương, thù lao thành viên HĐQT, BKS, người phụ trách quản trị kiêm thư ký Công ty năm 2020 và đề xuất mức lương, thù lao năm 2021:

1. Quyết toán lương, thù lao năm 2020:

a. Tiền lương của thành viên chuyên trách HĐQT, BKS: 385.197.000 đồng.

Trong đó :

- Chủ tịch HĐQT (chuyên trách, 1 người) : 244.673.000 đồng.

- Trưởng ban kiểm soát (chuyên trách, 1 người) : 140.524.000 đồng.

b. Thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát và thư ký HĐQT: 220.800.000 đồng.



2. Đề xuất mức lương, thù lao năm 2021:

TT	Nội dung	Lương	Thù lao	Tổng cộng
1	Chủ tịch HĐQT (chuyên trách, 1 người)	240.000.000	60.000.000	300.000.000
2	Thành viên HĐQT (kiêm nhiệm, 4 người)		144.000.000	144.000.000
3	Trưởng BKS (chuyên trách, 1 người)	168.000.000	24.000.000	192.000.000
4	Thành viên BKS (kiêm nhiệm, 2 người)		24.000.000	24.000.000
5	Thư ký Công ty kiêm Người phụ trách quản trị Công ty (kiêm nhiệm, 1 người)		24.000.000	24.000.000
	Tổng cộng	408.000.000	276.000.000	684.000.000

Các khoản chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát để thực hiện nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty theo quy định.

Điều 5. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận cổ tức năm 2020 và dự kiến lợi nhuận cổ tức năm 2021:

1. Phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2020:

- Lợi nhuận trước thuế năm 2020 : 2.019.832.000 đồng.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2020 : 1.651.275.000 đồng.
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi : 247.691.268 đồng.
- Trích quỹ đầu tư phát triển : 247.691.268 đồng.
- Lợi nhuận sau khi trích quỹ còn lại : 1.155.892.585 đồng.

- Công ty cổ phần Trường Sơn 532 triển khai thực hiện nhiệm vụ năm 2020 gặp nhiều khó khăn như: ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, thời tiết thi công không thuận lợi, nhiều công trình triển khai thi công bị vướng công tác GPMB,... nên không đạt các chỉ tiêu kế hoạch năm đề ra; vì vậy HĐQT Công ty đề xuất chưa chi trả cổ tức năm 2020, mà sẽ gộp vào để chi trả cùng với cổ tức năm 2021.

2. Dự kiến phương án phân phối lợi nhuận và cổ tức năm 2021:

- a. Dự kiến lợi nhuận trước thuế : 5.000.000.000 đồng.
- b. Dự kiến lợi nhuận sau thuế TNDN : 4.000.000.000 đồng.
- c. Dự kiến cổ tức năm 2021: Tỷ lệ cổ tức dự kiến 10% trên vốn điều lệ.

Điều 6. Thông qua tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần Trường Sơn 532 và nhất trí ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động tiến hành lựa chọn 01 trong số 03 Công ty kiểm toán trong danh sách và giao cho Giám đốc Công ty đàm phán, thương thảo, ký kết hợp đồng để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần Trường Sơn 532.

Danh sách các đơn vị kiểm toán được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn như sau:



1. Công ty TNHH kiểm toán và dịch vụ tin học TP Hồ Chí Minh (AISC).
2. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC (AASC).
3. Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá (AFA).

Điều 7. Thông qua các Tờ trình của HĐQT Công ty:

1. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Trường Sơn 532.
2. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Trường Sơn 532.
3. Tờ trình về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Trường Sơn 532.

Đại hội đồng cổ đông giao cho HĐQT ký quyết định ban hành Điều lệ Công ty (sửa đổi - bổ sung); Quy chế hoạt động của HĐQT (sửa đổi - bổ sung) và Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty CP Trường Sơn 532 theo các nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 8. Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.

Đại hội đồng cổ đông giao cho Ban kiểm soát ký quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP Trường Sơn 532 (sửa đổi - bổ sung) theo các nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 9. Thông qua việc miễn nhiệm, bầu bổ sung Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Trường Sơn 532 nhiệm kỳ 2018-2023:

1. Miễn nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT Công ty CP Trường Sơn 532 nhiệm kỳ 2018-2023 đối với ông **Đặng Văn Quân** kể từ ngày 15/5/2021 theo Đơn từ nhiệm.

2. Bầu bổ sung ông **Nguyễn Văn Toàn** giữ chức vụ Thành viên HĐQT Công ty CP Trường Sơn 532 nhiệm kỳ 2018-2023.

Điều 10. Các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban giám đốc Công ty và toàn thể cổ đông của Công ty cổ phần Trường Sơn 532 chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai theo thẩm quyền, chức năng - nhiệm vụ của mình phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty CP Trường Sơn 532.

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Trường Sơn 532 ngày 15/5/2021 biểu quyết, thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận :

- Như Điều 10,
- Tổng CTXD Trường Sơn (để báo cáo);
- UBCKNN; TTLKCKVN
- Lưu: Thư ký CT, TCLĐHC.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU BIỂU QUYẾT
CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 532

I. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG & SỐ CỔ PHẦN BIỂU QUYẾT:

- Mã số cổ đông:
- Tên cổ đông/đại diện:
- Số lượng cổ phần Đại diện và Sở hữu: CP.

II. NỘI DUNG BIỂU QUYẾT:

STT	Nội dung biểu quyết	Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến
1	Thông qua Báo cáo Kết quả hoạt động SXKD và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020			
2	Thông qua Kế hoạch SXKD năm 2021			
3	Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT			
4	Thông qua Báo cáo giám sát của Ban kiểm soát			
5	Thông qua Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận cổ tức năm 2020 và dự kiến năm 2021			
6	Thông qua Tờ trình quyết toán lương, thù lao thành viên HĐQT, BKS, Thụ ký công ty năm 2020 và đề xuất mức lương, thù lao năm 2021			
7	Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021			
8	Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Trường Sơn 532			
9	Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Trường Sơn 532			
10	Thông qua Tờ trình về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Trường Sơn 532			
11	Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Trường Sơn 532			
12	Thông qua Tờ trình miễn nhiệm Thành viên HĐQT và bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023			

Cổ đông/Đại diện cổ đông
(Ký, ghi rõ họ tên)